

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐÔ**



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số 64/QĐ-ĐHĐĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đông Đô)*

Tên chương trình: Kỹ thuật xét nghiệm y học

Trình độ đào tạo: Cử nhân

Ngành đào tạo: Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học

Loại hình đào tạo: Chính quy

Hà Nội, 2025

MỤC LỤC

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo	2
1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo	2
1.2. Thông tin chung	2
2. Mục tiêu chương trình đào tạo	3
2.1. Triết lý giáo dục của Trường đại học Đông Đô	3
2.2. Tầm nhìn và sứ mạng của Khoa Dược – Xét nghiệm... ..	7
2.3. Mục tiêu của chương trình đào tạo	7
2.3.1. Mục tiêu chung	7
2.3.2. Mục tiêu cụ thể	8
3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	8
4. Vị trí việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp	11
5. Đối sánh chương trình đào tạo	12
6. Nội dung chương trình đào tạo	17
6.1. Cấu trúc chương trình đào tạo	17
6.2. Danh sách học phần	18
6.3. Phân nhiệm giữa các học phần và CDR của CTĐT	21
6.4. Kế hoạch dạy học	24
6.5. Chiến lược giảng dạy – học tập	27
6.6. Chiến lược và phương pháp đánh giá	28
6.7. Sơ đồ tiến trình đào tạo	29
7. Mô tả tóm tắt học phần	30
8. Hướng dẫn thực hiện chương trình	48

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành theo Quyết định số 64/QĐ- ĐHĐĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025

của Hiệu trưởng Trường đại học Đông Đô)

1. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo đại học ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học được điều chỉnh nhằm mục đích nâng cao chất lượng đào tạo đại học, thực hiện các chương trình đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam. Chương trình đào tạo đại học ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học kế thừa từ chương trình đào tạo ban hành 2023 và được điều chỉnh bổ sung, phát triển nhiều nội dung mới như: Sửa mục tiêu, chuẩn đầu ra, tăng thời lượng cho khối kiến thức chuyên ngành... để đáp ứng với yêu cầu mới của giáo dục đại học và chuẩn đầu ra theo yêu cầu thị trường lao động có liên quan đến ngành dược trong nước và hội nhập quốc tế trong điều kiện mới.

1.2. Thông tin chung

- + Tên tiếng Việt: Kỹ thuật xét nghiệm y học
- + Tên tiếng Anh: Laboratory Medicine Technique
- Mã ngành: **7220601**
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Thời gian: 4 năm
- Tên bằng tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: **Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học**
 - + Tiếng Anh: Bachelor of Laboratory Medicine Technique
- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Khoa Dược – Xét nghiệm
- Đơn vị cấp bằng: Trường đại học Đông Đô
- Hình thức đào tạo: Chính quy
- Ngôn ngữ sử dụng: Tiếng Việt
- Thông tin tuyển sinh:

a. Đối tượng tuyển sinh (chuẩn đầu vào):

- Theo quy chế tuyển sinh hàng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Theo đề án tuyển sinh hàng năm của Trường đại học Đông Đô.

b. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

Điều kiện tốt nghiệp: Kết thúc khoá học, sinh viên có đủ các tiêu chí sau sẽ được xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp:

- Tích lũy đủ 130 tín chỉ theo quy định của chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

- Có tiếng Anh đạt trình độ theo quy định khung tham chiếu năng lực ngoại ngữ chung châu Âu, trình độ tin học theo chuẩn đầu ra của Trường Trường đại học Đông Đô;
- Có chứng chỉ Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh;
- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Đã hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của Nhà trường.

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Triết lý giáo dục của Trường Trường đại học Đông Đô

Triết lý giáo dục của Trường Trường đại học Đông Đô là “Nhân văn - Sáng tạo - Thực nghiệp” được chuyển tải một cách cụ thể vào CTĐT và được thể hiện ở bảng dưới đây.

Bảng 1. Triết lý giáo dục của Trường Trường đại học Đông Đô được chuyển tải vào CTĐT

STT	Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xét nghiệm Y học	Triết lý giáo dục của Trường Trường đại học Đông Đô		
		Nhân văn	Sáng tạo	Thực nghiệp
1. Kiến thức giáo dục đại cương				
	<i>Các môn chung</i>	X	X	X
1	Triết học Mac-Lênin	X	X	X
2	Kinh tế chính trị Mac - Lênin	X	X	X
3	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	X	X	X
4	Tư tưởng HCM	X	X	X
5	Lịch sử Đảng CSVN	X	X	X
6	Ngôn ngữ Anh 1	X	X	X
7	Ngôn ngữ Anh 2	X	X	X
8	Ngôn ngữ Anh chuyên ngành	X	X	X
9	Tin học đại cương	X	X	X
	Giáo dục thể chất	X	X	X
	Giáo dục QPAN	X	X	X
	<i>Các môn cơ sở khối ngành</i>			
10	Xác suất - thống kê y học	X	X	X
11	Sinh học và di truyền	X	X	X
12	Hóa đại cương	X	X	X
13	Vật lý và lý sinh	X	X	X
14	Tâm lý y học - Đạo đức y học	X	X	X
15	Pháp luật đại cương	X	X	X
16	Phương pháp nghiên cứu khoa học	X	X	X
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				
<i>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</i>				
17	Giải phẫu	X	X	X
18	Sinh lý - Mô	X	X	X
19	Sinh lý bệnh - miễn dịch	X	X	X
20	Dược lý học	X	X	X
21	Điều dưỡng cấp cứu ban đầu	X	X	X

22	Bệnh học nội khoa	X	X	X
23	Bệnh học ngoại khoa	X	X	X
24	Dịch tễ học - Bệnh truyền nhiễm	X	X	X
25	Dinh dưỡng - Vệ sinh an toàn thực phẩm	X	X	X
26	Sức khỏe môi trường	X	X	X
27	Tổ chức y tế	X	X	X
2.2. Kiến thức chuyên ngành				
<i>Kiến thức ngành (bắt buộc)</i>				
28	KTXN cơ bản	X	X	X
29	Hóa sinh 1	X	X	X
30	Hóa sinh 2	X	X	X
31	Thực hành KTXN 1: Hóa sinh	X	X	X
32	Vi sinh 1	X	X	X
33	Vi sinh 2	X	X	X
34	Ký sinh trùng 1	X	X	X
35	Ký sinh trùng 2	X	X	X
36	Thực hành KTXN 2: Vi sinh - ký sinh trùng	X	X	X
37	Huyết học tế bào 1	X	X	X
38	Huyết học tế bào 2	X	X	X
39	Huyết học đông máu	X	X	X
40	Huyết học truyền máu	X	X	X
41	Thực hành KTXN3: Huyết học	X	X	X
42	Xét nghiệm tế bào 1	X	X	X
43	Xét nghiệm tế bào 2	X	X	X
44	Thực hành KTXN 4: Giải phẫu bệnh	X	X	X
45	Kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện	X	X	X
46	Thực hành về phương thức tổ chức và quản lý phòng xét nghiệm tại bệnh viện	X	X	X
Tự chọn 2 trong 5 mô đun				
47	Xét nghiệm vi sinh và ký sinh trùng trong VSATTP	X	X	X
48	Y sinh học phân tử	X	X	X
49	Kiểm tra chất lượng xét nghiệm	X	X	X
3. Thực tập, khóa luận/đồ án tốt nghiệp				
3.1	Thực tập, khoá luận tốt nghiệp	X	X	X
50	Thực tập tại bệnh viện	X	X	X
51	Thực tập tại cộng đồng	X	X	X
3.2	Bảo vệ khóa luận /Học phần thay thế tốt nghiệp			
52	Khóa luận tốt nghiệp	X	X	X

53	Xét nghiệm tế bào 3	x	x	x
54	Xét nghiệm huyết học chuyên ngành	x	x	x
Hoạt động ngoại khoá				
	Thể dục thể thao	x	x	x
	Văn nghệ	x	x	x
	Phong trào xã hội	x	x	x
Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)		Nhân văn	Sáng tạo	Thực nghiệp
CDR về kiến thức				
Khối kiến thức đại cương				
PLO1 K	Hiểu được thế giới quan, nhân sinh quan đúng đắn và có khả năng nhận thức, vận dụng đánh giá các hiện tượng, sự vật đúng, khách quan, khoa học, hiểu được kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính sách pháp luật, an ninh quốc phòng, vận dụng kiến thức đó vào hoạt động thực tiễn. Sử dụng tối thiểu được một loại ngoại ngữ (tiếng Anh) để đọc tài liệu và công nghệ thông tin để phục vụ nhiệm vụ chuyên môn.	x	x	x
PLO.2 K	Tin học ứng dụng và đạt chuẩn ứng dụng CNTT cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT. Vận dụng kiến thức của công nghệ thông tin vào quản lý, tác nghiệp, ngoại ngữ đạt (3/6). Hiểu các kiến thức toán, vật lý đại cương, đạo đức người cán bộ xét nghiệm làm nền tảng cho các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành, đáp ứng yêu cầu làm chủ kỹ thuật xét nghiệm y học và hội nhập quốc tế	x	x	x
Khối kiến thức cơ sở ngành				
PLO3 K	Cấu tạo, hoạt động và chức năng sống của cơ thể con người ở trạng thái bình thường và trạng thái bệnh lý.	x	x	x
PLO4 K	Tác dụng, cơ chế tác dụng của thuốc trên cơ thể người và cấu trúc phân tử trong cơ thể người	x	x	x
Khối kiến thức chuyên ngành				
PLO5 K	Sự tác động qua lại giữa môi trường sống và sức khỏe con người, các biện pháp đảm bảo và cải thiện điều kiện sống để bảo vệ và nâng cao sức khỏe con người.	x	x	x

PLO6 K	Vận dụng các nguyên tắc, các KTXNYH để chẩn đoán bệnh, chữa bệnh và phòng bệnh.	x	x	x
Kỹ năng				
Kỹ năng nghề nghiệp				
PLO7 S	Thành thạo các KTXNYH cơ bản và chuyên ngành theo y lệnh của bác sĩ. Thực hiện được các xét nghiệm để phục vụ chẩn đoán, phòng bệnh và chữa bệnh theo quy trình thao tác chuẩn do Bộ Y tế ban hành. Quản lý các cơ sở xét nghiệm, tham gia tổ chức và đào tạo cán bộ KTXNYH và các nhân viên y tế.	x	x	x
PLO8 S	Tham gia có hiệu quả các chương trình y tế quốc gia nhằm bảo vệ và nâng cao sức khỏe người dân trong cộng đồng.	x	x	x
PLO9 S	Lập và thực hiện được kế hoạch công tác cá nhân khoa học, chủ động; vận dụng hợp lý các kiến thức chuyên môn theo yêu cầu phát triển y học trong nước và hội nhập quốc tế.	x	x	x
Kỹ năng giao tiếp ứng xử				
PLO10 S	Có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm; phương pháp khoa học và chuyên nghiệp, tư duy hệ thống, phản biện và tư duy phân tích, có kỹ năng thuyết trình, giao tiếp, dẫn dắt, khởi nghiệp và chủ động hội nhập.	x	x	x
Thái độ và mức tự chủ và chịu trách nhiệm				
PLO11 A	Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh và khách hàng. Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành y tế. Không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp. Tôn trọng việc kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền.	x	x	x
PLO12 A	Có năng lực chỉ đạo chuyên môn, nghiệp vụ ở đơn vị công tác, có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.	x	x	x

	Có khả năng tự định hướng, thích nghi với yêu cầu đổi mới của môi trường công tác. -Có năng lực tự học, tự tích lũy kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ cơ bản và chuyên khoa. Có năng lực lập kế hoạch, khả năng làm việc nhóm trong lĩnh vực chuyên môn. Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động nghề nghiệp.			
--	--	--	--	--

2.2. Sứ mạng và tầm nhìn của Khoa Dược - Xét nghiệm

2.2.1. Sứ mạng

Đào tạo nhân lực chất lượng cao cho ngành Y tế; ứng dụng khoa học công nghệ trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực y dược; luôn đồng hành vì sự phát triển bền vững của Nhà trường và đất nước.

2.2.2. Tầm nhìn

Trở thành một khoa đào tạo nhân lực và nghiên cứu khoa học hàng đầu trong Trường với nòng cốt là kiến thức và kỹ năng thực hành, đóng góp quan trọng vào nhiệm vụ cung ứng nhân lực chất lượng cao phục vụ chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

2.3. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.3.1. Mục tiêu chung (Programme General Objectives - PGO)

- Đào tạo Cử nhân KTXN y học trình độ đại học, có phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khỏe tốt để có thể làm việc có hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn được đào tạo, đáp ứng được nhu cầu xã hội;

- Đào tạo những nhà chuyên môn có khả năng thích ứng cao, có kiến thức tốt về KTXN y học, có thể sử dụng chuyên môn thành thạo, linh hoạt và có năng lực cơ bản, kỹ năng cần thiết để làm việc trong môi trường hội nhập quốc tế, có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn.

2.3.2. Mục tiêu cụ thể : (Programme Objectives – Gọi tắt là POs)

PO1: (K) Có kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành xét nghiệm y học và kỹ năng thực hành theo tiêu chuẩn năng lực ngành KTXNYH bậc trình độ đại học tại Việt Nam;

PO2: (K) Có lý luận vững vàng và khả năng làm việc độc lập với tư cách là một chuyên gia KTXNYH tại các cơ sở y tế hoạt động trong lĩnh vực bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân;

PO3: (S) Sử dụng thành thạo các phương pháp, các kỹ thuật xét nghiệm cơ bản và chuyên sâu đã được học vào lĩnh vực xét nghiệm y học, có khả năng phân tích các kết quả xét nghiệm;

PO4 (S) Áp dụng thành thạo có hiệu quả các kiến thức KTXNYH đã được học vào lĩnh vực xét nghiệm; luôn thích ứng với môi trường lao động tại Việt Nam và sẵn sàng tham gia vào nguồn nhân lực hội nhập quốc tế.

PO5: (A) Có phẩm chất đạo đức tốt, có trách nhiệm với xã hội, chủ động, sáng tạo trong hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực kỹ thuật xét nghiệm y học.

PLO6. (A) Tự chủ và tự chịu trách nhiệm; triển khai làm việc độc lập, làm việc nhóm; phương pháp khoa học và chuyên nghiệp, tư duy hệ thống, phản biện và tư duy phân tích, có kỹ năng thuyết trình, giao tiếp, dẫn dắt, khởi nghiệp và chủ động hội nhập.

3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CDR) của CTĐT

Chuẩn đầu ra	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức năng lực
1. Kiến thức		
1.1.	Kiến thức giáo dục đại cương	
PLO1 (K)	Hiểu được thế giới quan, nhân sinh quan đúng đắn và có khả năng nhận thức, vận dụng đánh giá các hiện tượng, sự vật đúng, khách quan, khoa học, hiểu được kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính sách pháp luật, an ninh quốc phòng, vận dụng kiến thức đó vào hoạt động thực tiễn. Sử dụng tối thiểu được một loại ngoại ngữ (tiếng Anh) để đọc tài liệu và công nghệ thông tin để phục vụ nhiệm vụ chuyên môn.	K3/5
PLO2 (K)	Tin học ứng dụng và đạt chuẩn ứng dụng CNTT cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT. Vận dụng kiến thức của công nghệ thông tin vào quản lý, tác nghiệp, ngoại ngữ đạt (3/6). Hiểu các kiến thức toán, vật lý đại cương, đạo đức người cán bộ xét nghiệm làm nền tảng cho các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành, đáp ứng yêu cầu làm chủ kỹ thuật xét nghiệm y học và hội nhập quốc tế	K3/5
1.2.	Kiến thức cơ sở ngành	
PLO3 (K)	Cấu tạo, hoạt động và chức năng sống của cơ thể con người ở trạng thái bình thường và trạng thái bệnh lý.	K4 /5
PLO4 (K)	Có những kiến thức cơ bản về thuốc và y sinh học phân tử để áp dụng vào hoạt động xét nghiệm y học.	K4/5
1.3.	Kiến thức chuyên ngành	
PLO5 (K)	Sự tác động qua lại giữa môi trường sống và sức khỏe con người, các biện pháp đảm bảo và cải thiện điều kiện sống để bảo vệ và nâng cao sức khỏe con người.	K4/5
PLO6 (K)	Vận dụng các nguyên tắc, các KTXNYH để chẩn đoán bệnh, chữa bệnh và phòng bệnh.	K3/5
2.Kỹ năng		
2.1.Kỹ năng nghề nghiệp		

PLO7 (S)	- Làm thành thạo các KTXNYH cơ bản và chuyên ngành theo y lệnh của bác sĩ. - Thực hiện được các xét nghiệm để phục vụ chẩn đoán, phòng bệnh và chữa bệnh theo quy trình thao tác chuẩn do Bộ Y tế ban hành. - Quản lý các cơ sở xét nghiệm, tham gia tổ chức và đào tạo cán bộ KTXNYH và các nhân viên y tế.	S4/5
PLO8 (S)	Tham gia có hiệu quả các chương trình y tế quốc gia nhằm bảo vệ và nâng cao sức khỏe người dân trong cộng đồng.	S4/5
PLO9 (S)	Lập và thực hiện được kế hoạch công tác cá nhân khoa học, chủ động; vận dụng hợp lý các kiến thức chuyên môn theo yêu cầu phát triển y học trong nước và hội nhập quốc tế.	S3/5
2.2. Kỹ năng giao tiếp ứng xử		
PLO10 (S)	Có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm; phương pháp khoa học và chuyên nghiệp, tư duy hệ thống, phản biện và tư duy phân tích, có kỹ năng thuyết trình, giao tiếp, dẫn dắt, khởi nghiệp và chủ động hội nhập.	S4/5
2.3. Thái độ/ mức tự chủ và chịu trách nhiệm		
PLO11 (A)	Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh và khách hàng. Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành y tế. Không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp. Tôn trọng việc kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền	A3/4
PLO12 (A)	Có năng lực chỉ đạo chuyên môn, nghiệp vụ ở đơn vị công tác, có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Có khả năng tự định hướng, thích nghi với yêu cầu đổi mới của môi trường công tác. -Có năng lực tự học, tự tích lũy kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ cơ bản và chuyên khoa. Có năng lực lập kế hoạch, khả năng làm việc nhóm trong lĩnh vực chuyên môn. Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động nghề nghiệp.	A3/4

Bảng 2. Mối quan hệ giữa mục tiêu và CDR của CTĐT

Mục tiêu đào tạo (POs)	CDR của CTĐT (PLOs)		
	K (kiến thức)	S (Kỹ năng)	A

											Thái độ/mức tự chủ và trách nhiệm	
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
PO1	K3	K3										
PO2			K4	K4	K4	K3						
PO3							S4	S4	S3	S4		
PO4							S4	S4	S3	S4		
PO5							S4	S4	S3	S4		
PO6											A3	A3

Bảng 3. Mối quan hệ giữa CDR của CTĐT với khung trình độ Quốc gia

TT	K Kiến thức					S Kỹ năng					A Mức tự chủ và trách nhiệm			
	K1	K2	K3	K4	K5	S1	S2	S3	S4	S5	A1	A2	A3	A4
PLO1			x											
PLO2			x											
PLO3				x										
PLO4				x										
PLO5				x										
PLO6			x											
PLO7									x					
PLO8									x					
PLO9								x						
PLO10									x					
PLO11													x	
PLO12													x	

4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN SAU KHI TỐT NGHIỆP

Sau khi tốt nghiệp Ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học, sinh viên sẽ có cơ hội việc làm tại các vị trí sau:

- Cử nhân xét nghiệm tại các bệnh viện, trung tâm y tế, trung tâm y tế dự phòng từ Trung ương đến địa phương, của nhà nước và tư nhân có đủ điều kiện cơ sở vật chất và có chức năng thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm y học cho con người;

- Cử nhân xét nghiệm tại các cơ sở kiểm nghiệm thuốc thuộc doanh nghiệp dược phẩm và trung tâm kiểm nghiệm thuốc, vệ sinh an toàn thực phẩm;
- Chuyên viên tư vấn, phân tích, đánh giá chất lượng các kết quả xét nghiệm;
- Cung ứng trang thiết bị, vật tư y tế thuộc chuyên ngành xét nghiệm;
- Giảng viên giảng dạy tại các cơ sở đào tạo nhân lực thuộc khối Khoa học sức khỏe.

- Nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Khoa học sức khỏe.

5. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

5.1. Bảng đối sánh chương trình đào tạo (Bảng 4)

STT	Nội dung so sánh	ĐH ĐÔNG ĐÔ	CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO SO SÁNH	
			Trường ĐH Dược HN	Trường ĐHY dược ĐHQGHN
1	Thời gian đào tạo	4 năm	4 năm	4 năm
2	Khối lượng kiến thức toàn khóa	142	159	141
3	Cấu trúc kiến thức chương trình	129	147	129
4	Khối kiến thức			
4.1	Kiến thức giáo dục đại cương	36	20	24
4.2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	93	127	96
	Trong đó:			
4.2.1	Kiến thức cơ sở ngành	23	30	19
4.2.2	Kiến thức chuyên ngành	56	97	74
4.2.4	Kiến thức bổ trợ (Tự chọn)	6	6	0
4.2.5	Thực tập	6	5	2
	Khóa luận tốt nghiệp	6	6	6

5.2. Nhận xét

- Về số giờ đào tạo: Chương trình ngành Kỹ thuật xét nghiệm của Trường Đại học Đông Đô khá tương đồng với chương trình đào tạo cùng ngành của các trường Đại học trong nước theo bảng so sánh thống kê trên.

- Về định hướng đào tạo: Đào tạo cử nhân dược xét nghiệm y học vững về kiến thức, thành thạo thực hành và thích ứng môi trường lao động trong nước và quốc tế.

6. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

6.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

Bảng 4. Mối quan hệ giữa các khối học phần với CDR của CTĐT

[illegible]

6.2. Danh sách học phần

TT	Mã HP	Tên học phần xếp theo khối kiến thức	Tổng số tín chỉ	Phân bố tín chỉ	
				Lý thuyết/ thảo luận	Thực hành/thí nghiệm
6.2.1. Kiến thức giáo dục đại cương			36	38	1
1	7GDC001	Triết học Mác-Lênin	3	3	0
2	7GDC002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0
3	7GDC003	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	2	0
4	7GDC004	Tư tưởng HCM	2	2	0
5	7GDC005	Lịch sử Đảng CSVN	2	2	0
6	7GDC007	Ngôn ngữ Anh 1	3	4	0
7	7GDC008	Ngôn ngữ Anh 2	3	4	0
8	7XNY043	Ngôn ngữ Anh chuyên ngành	3	4	0
9	7GDC019	Tin học đại cương	2	1	1
10	7GDC029	Xác suất - thống kê y học	2	2	0
11	7XNY001	Sinh học và di truyền	2	2	0
12	7GDC035	Hóa đại cương	2	2	0
13	7XNY002	Vật lý và lý sinh	2	2	0
14	7XNY003	Tâm lý y học - Đạo đức y học	2	2	0
15	7GDC006	Pháp luật đại cương	2	2	0
16	7GDC021	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0
Giáo dục Thể chất, Giáo dục QPAN					
	7GAQ001	Giáo dục QPAN			
	7GTC002	Giáo dục thể chất			
6.2.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			91		
6.2.2.1. Kiến thức cơ sở ngành			23		

TT	Mã HP	Tên học phần xếp theo khối kiến thức	Tổng số tín chỉ	Phân bố tín chỉ	
				Lý thuyết/ thảo luận	Thực hành/thí nghiệm
17	7XNY004	Giải phẫu	3	2	1
18	7XNY005	Sinh lý - Mô	2	2	0
19	7XNY006	Sinh lý bệnh - miễn dịch	2	2	0
20	7XNY007	Dược lý học	2	2	0
21	7XNY008	Điều dưỡng cấp cứu ban đầu	2	1	1
22	7XNY009	Bệnh học nội khoa	2	2	0
23	7XNY010	Bệnh học ngoại khoa	2	2	0
24	7XNY011	Dịch tễ học - Bệnh truyền nhiễm	2	2	0
25	7XNY012	Dinh dưỡng - Vệ sinh an toàn thực phẩm	2	2	0
26	7XNY013	Sức khỏe môi trường	2	2	0
27	7XNY014	Tổ chức y tế	2	2	0
6.2.2.2. Kiến thức chuyên ngành			58		
Kiến thức chuyên ngành (bắt buộc)			52		
28	7XNY015	KTXN cơ bản	3	2	1
29	7XNY016	Hóa sinh 1	3	2	1
30	7XNY017	Hóa sinh 2	3	2	1
31	7XNY018	Thực hành KTXN 1: Hóa sinh	3	0	3
32	7XNY019	Vi sinh 1	3	2	1
33	7XNY020	Vi sinh 2	3	2	1
34	7XNY021	Ký sinh trùng 1	3	2	1
35	7XNY022	Ký sinh trùng 2	2	1	1
36	7XNY023	Thực hành KTXN 2: Vi sinh - ký sinh trùng	3	0	3
37	7XNY024	Huyết học tế bào 1	3	2	1
38	7XNY025	Huyết học tế bào 2	2	1	1

TT	Mã HP	Tên học phần xếp theo khối kiến thức	Tổng số tín chỉ	Phân bố tín chỉ	
				Lý thuyết/ thảo luận	Thực hành/thí nghiệm
39	7XNY026	Huyết học đông máu	2	1	1
40	7XNY027	Huyết học truyền máu	2	2	0
41	7XNY028	Thực hành KTXN3: Huyết học	3	0	3
42	7XNY029	Xét nghiệm tế bào 1	3	2	1
43	7XNY030	Xét nghiệm tế bào 2	3	2	1
44	7XNY031	Thực hành KTXN 4: Giải phẫu bệnh	3	0	3
45	7XNY032	Kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện	2	2	0
46	7XNY033	Thực hành về phương thức tổ chức và quản lý phòng xét nghiệm tại bệnh viện	3	0	3
Kiến thức bổ trợ ngành			6		
47	7XNY034	Xét nghiệm vi sinh và ký sinh trùng trong VSATTP	2	2	0
48	7XNY035	Y sinh học phân tử	2	2	0
49	7XNY036	Kiểm tra chất lượng xét nghiệm	2	1	1
6.2.3. Thực tập, khóa luận/đồ án tốt nghiệp			12		
6.2.3.1. Thực tập tốt nghiệp, Khóa luận TN			6		
50	7XNY038	Thực tập tại bệnh viện	3	0	3
51	7XNY039	Thực tập tại cộng đồng	3	0	3
52	7XNY040	Khoá luận tốt nghiệp	6		
6.2.3.2. Học thay thế khóa luận			6		
53	7XNY041	Xét nghiệm tế bào 3	3	3	0
54	7XNY042	Xét nghiệm huyết học chuyên ngành	3	3	0

6.3. Phân nhiệm giữa các học phần và CDR của CTĐT

STT	Mã học phần	Tên học phần	K						S				A	
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
6.3.1. Kiến thức giáo dục đại cương														
1	7GDC001	Triết học Mác-Lênin	K3	K3					S4	S4	S3	S4	A3	A3
2	7GDC002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	K3	K3					S4	S4	S3	S4	A3	A3
3	7GDC003	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	K3	K3					S4	S4	S3	S4	A3	A3
4	7GDC004	Tư tưởng HCM	K3	K3					S4	S4	S3	S4	A3	A3
5	7GDC005	Lịch sử Đảng CSVN	K3	K3					S4	S4	S3	S4	A3	A3
6	7GDC007	Ngôn ngữ Anh 1	K3	K3					S4	S4	S3	S4	A3	A3
7	7GDC008	Ngôn ngữ Anh 2	K3	K3					S4	S4	S3	S4	A3	A3
8	7XNY043	Ngôn ngữ Anh chuyên ngành	K3	K3					S4	S4	S3	S4	A3	A3
9	7GDC019	Tin học đại cương	K3	K3					S4	S4	S3	S4	A3	A3
6.3.2. Kiến thức giáo thể chất, an ninh quốc phòng														
	7GTC002	Giáo dục thể chất												
	7GAQ001	Giáo dục QPAN												
6.3.3. Kiến thức cơ sở ngành														
17	7XNY004	Giải phẫu			K4	K4			S4	S4	S3	S4	A3	A3

18	7XNY005	Sinh lý - Mô			K4	K4			S4	S4	S3	S4	A3	A3
19	7XNY006	Sinh lý bệnh - miễn dịch			K4	K4			S4	S4	S3	S4	A3	A3
20	7XNY007	Dược lý học			K4	K4			S4	S4	S3	S4	A3	A3
21	7XNY008	Điều dưỡng cấp cứu ban đầu			K4	K4			S4	S4	S3	S4	A3	A3
22	7XNY009	Bệnh học nội khoa			K4	K4			S4	S4	S3	S4	A3	A3
23	7XNY010	Bệnh học ngoại khoa			K4	K4			S4	S4	S3	S4	A3	A3
24	7XNY011	Dịch tễ học - Bệnh truyền nhiễm			K4	K4			S4	S4	S3	S4	A3	A3
25	7XNY012	Dinh dưỡng - Vệ sinh an toàn thực phẩm			K4	K4			S4	S4	S3	S4	A3	A3
26	7XNY013	Sức khỏe môi trường			K4	K4			S4	S4	S3	S4	A3	A3
27	7XNY014	Tổ chức y tế			K4	K4			S4	S4	S3	S4	A3	A3
6.3.4. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp														
6.3.4.1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc														
28	7XNY015	KTXN cơ bản					K4	K3	S4	S4	S3	S4	A3	A3
29	7XNY016	Hóa sinh 1					K4	K3	S4	S4	S3	S4	A3	A3
30	7XNY017	Hóa sinh 2					K4	K3	S4	S4	S3	S4	A3	A3
31	7XNY018	Thực hành KTXN 1: Hóa sinh					K4	K3	S4	S4	S3	S4	A3	A3
32	7XNY019	Vi sinh 1					K4	K3	S4	S4	S3	S4	A3	A3
33	7XNY020	Vi sinh 2					K4	K3	S4	S4	S3	S4	A3	A3

34	7XNY021	Ký sinh trùng 1					K4	K3	S4	S4	S3	S4	A3	A3
35	7XNY022	Ký sinh trùng 2					K4	K3	S4	S4	S3	S4	A3	A3
36	7XNY023	Thực hành KTXN 2: Vi sinh - ký sinh trùng					K4	K3	S4	S4	S3	S4	A3	A3
37	7XNY024	Huyết học tế bào 1					K4	K3	S4	S4	S3	S4	A3	A3
38	7XNY025	Huyết học tế bào 2					K4	K3	S4	S4	S3	S4	A3	A3
37	7XNY026	Huyết học đông máu					K4	K3	S4	S4	S3	S4	A3	A3
40	7XNY027	Huyết học truyền máu					K4	K3	S4	S4	S3	S4	A3	A3
41	7XNY028	Thực hành KTXN3: Huyết học					K4	K3	S4	S4	S3	S4	A3	A3
42	7XNY029	Xét nghiệm tế bào 1					K4	K3	S4	S4	S3	S4	A3	A3
43	7XNY030	Xét nghiệm tế bào 2					K4	K3	S4	S4	S3	S4	A3	A3
44	7XNY031	Thực hành KTXN 4: Giải phẫu bệnh					K4	K3	S4	S4	S3	S4	A3	A3
45	7XNY032	Kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện					K4	K3	S4	S4	S3	S4	A3	A3
46	7XNY033	Thực hành về phương thức tổ chức và quản lý phòng					K4	K3	S4	S4	S3	S4	A3	A3

		xét nghiệm tại bệnh viện												
47	7XNY034	Xét nghiệm vi sinh và ký sinh trùng trong VSATTP					K4	K3	S4	S4	S3	S4	A3	A3
48	7XNY035	Y sinh học phân tử					K4	K3	S4	S4	S3	S4	A3	A3
49	7XNY036	Kiểm tra chất lượng xét nghiệm					K4	K3	S4	S4	S3	S4	A3	A3
6.3.4.2. Thực tập, khóa luận TN, học thay thế KLTN														
50	7XNY038	Thực tập tại bệnh viện					K4	K3	S4	S4	S3	S4	A3	A3
51	7XNY039	Thực tập tại cộng đồng					K4	K3	S4	S4	S3	S4	A3	A3
52	7XNY040	Khoá luận tốt nghiệp					K4	K3	S4	S4	S3	S4	A3	A3
53	7XNY041	Xét nghiệm tế bào 3					K4	K3	S4	S4	S3	S4	A3	A3
54	7XNY042	Xét nghiệm huyết học chuyên ngành					K4	K3	S4	S4	S3	S4	A3	A3

6.4. Kế hoạch dạy học

Học kỳ	Tổng số TC	STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số giờ			Học phần		
						Lý thuyết	Thực hành/ thí nghiệm/ thảo luận	Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự KT	Tiền quyết	Học trước	Song hành
I	8	1	7GDC001	Triết học Mác-Lênin	3	45	0			x	
		2	7XNY002	Vật lý và lý sinh	2	30	0		x		
		3	7GDC007	Ngôn ngữ Anh 1	3	45	0		x		
		4	7GTC002	Giáo dục thể chất	3*				x		
		5	7GAQ001	Giáo dục quốc phòng an ninh	11*						x
II	17	1	7GDC002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	0				
		2	7GDC008	Ngôn ngữ Anh 2	3	45	0				
		3	7GDC035	Hóa đại cương	2	30	0				
		4	7GDC029	Xác suất - thống kê y học	2	30	0				
		5	7XNY004	Giải phẫu	3	30	30				
		6	7XNY001	Sinh học và di truyền	2	30	0				
		7	7GDC019	Tin học đại cương	2	15	30				
III	16	1	7GDC003	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	30	30		x		
		2	7XNY005	Sinh lý - Mô	2	30	30			x	
		3	7XNY008	Điều dưỡng cấp cứu ban đầu	2	15	15		x		
		4	7XNY012	Dinh dưỡng - VSAT thực phẩm	2	30	30			x	
		5	7XNY015	KTXN cơ bản	3	30	30		x		x
		6	7XNY016	Hóa sinh 1	3	30	30				x
		7	7GDC006	Pháp luật đại cương	2	30	30		x		
IV	19	1	7GDC004	Tư tưởng HCM	2	30	0				x
		2	7XNY013	Sức khỏe môi trường	2	30	0				x
		3	7XNY043	Ngôn ngữ Anh chuyên ngành	4	60	0				x

		4	7XNY017	Hóa sinh 2	3	30	30				x
		5	7XNY018	Thực hành KTXN 1: Hóa sinh	3	0	90				x
		6	7XNY019	Vi sinh 1	3	30	30				x
		7	7XNY006	Sinh lý bệnh - miễn dịch	2	30	0				x
V	19	1	7GDC005	Lịch sử Đảng CSVN	2	30	0				x
		2	7GDC009	Bệnh học nội khoa	2	30	0				x
		3	7XNY010	Bệnh học ngoại khoa	2	30	0				
		4	7XNY021	Ký sinh trùng 1	3	30	30			x	
		5	7GĐC020	Vi sinh 2	3	30	30				x
		6	7XNY022	Ký sinh trùng 2	2	15	30				x
		7	7XNY023	Thực hành KTXN 2: Vi sinh - ký sinh trùng	3	0	90				x
		8	7GDC021	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	0			x	
VI	19	1	7XNY011	Dịch tễ học - Bệnh truyền nhiễm	2	30	0				x
		2	7XNY025	Huyết học tế bào 2	2	15	30				x
		3	7XNY026	Huyết học đông máu	2	15	30				x
		4	7XNY028	Thực hành KTXN3: Huyết học	3	0	90			x	
		5	7XNY029	Xét nghiệm tế bào 1	3	30	30			x	
		6	7XNY024	Huyết học tế bào 1	3	30	30			x	
		7	7XNY003	Tâm lý y học - Đạo đức y học	2	30	0			x	
		8	7XNY007	Dược lý học	2	30	0			x	
VII	17	1	7XNY030	Xét nghiệm tế bào 2	3	30	30				x
		2	7XNY027	Huyết học truyền máu	2	30	0				x
		3	7XNY014	Tổ chức y tế	2	30	0				x
		4	7XNY031	Thực hành KTXN 4: Giải phẫu bệnh	3	0	90				x
		5	7XNY035	Y sinh học phân tử	2	30	0			x	

		6	7XNY032	Kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện	2	30	0			x	
		7	7XNY033	Thực hành về phương thức tổ chức và quản lý phòng xét nghiệm tại bệnh viện	3	0	90				x
VIII	14	1	7XNY034	Xét nghiệm vi sinh và ký sinh trùng trong VSATTP	2	30	0				x
		2	7XNY038	Thực tập xét nghiệm y học tại bệnh viện	6	0	180				x
		3	7XNY039	Thực tập xét nghiệm tại cộng đồng	6	0	180			x	
		4	7XNY040	Khóa luận	6	0	180				x
		5	7XNY041	Xét nghiệm tế bào 3	2	0	30				x
		6	7XNY042	Xét nghiệm huyết học chuyên ngành	4	0	30				x
				Tổng cộng	129						

6.5. Chiến lược giảng dạy – học tập

Bảng 6. Mối quan hệ giữa CĐR của CTĐT và phương pháp dạy học

[illegible]

5	Phương pháp tranh luận/phản biện	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
6	Phương pháp làm việc nhóm	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
7	Phương pháp quan sát/trải nghiệm thực tế		x	x	x	x	x	x	x	x	x		x
8	Phương pháp dạy thực hành 3 bước		x	x		x	x	x	x				

6.6. Chiến lược và phương pháp đánh giá

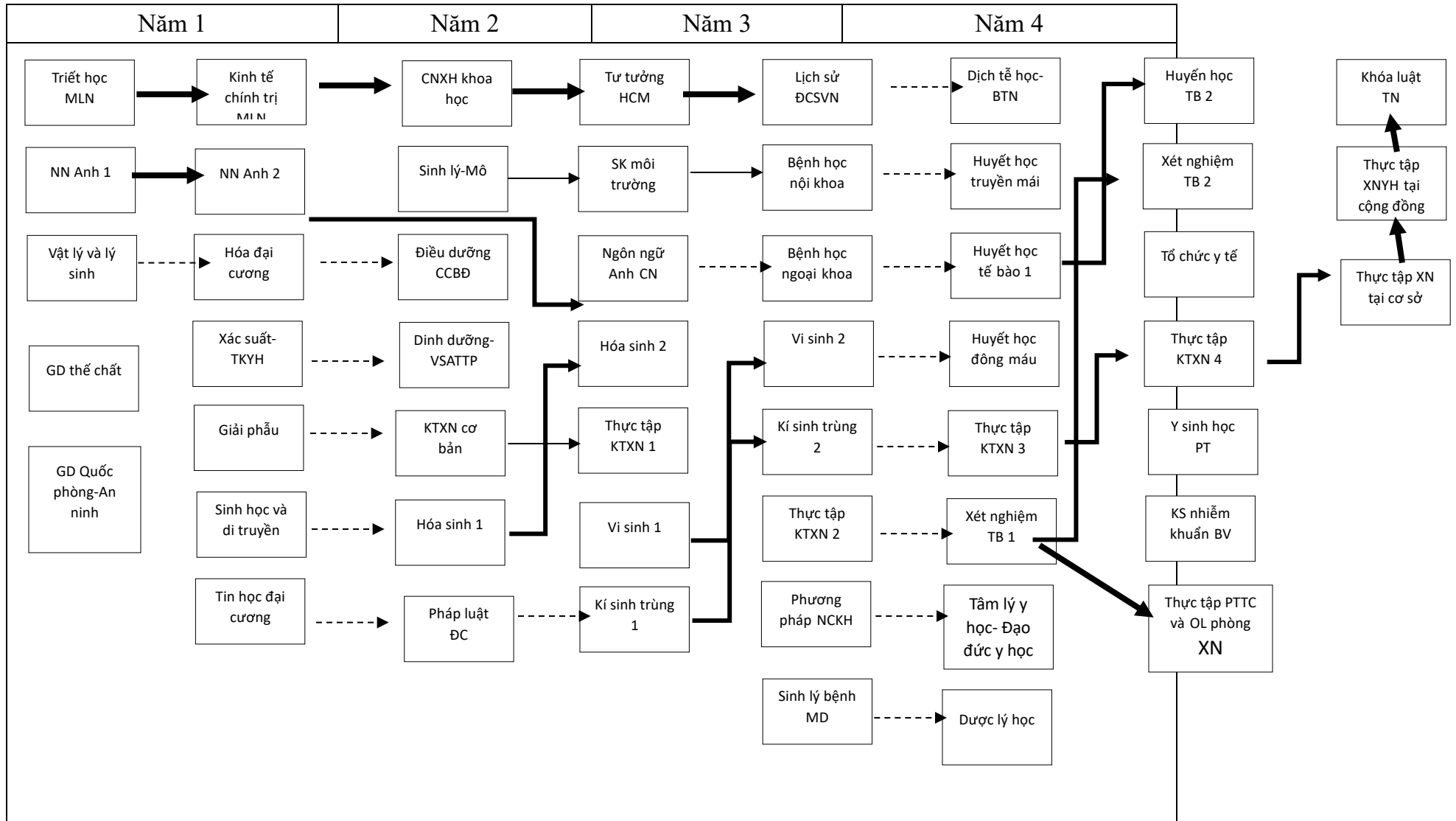
Bảng 7. Quan hệ giữa phương pháp đánh giá và CĐR của CTĐT

Phương pháp đánh giá	CĐR của CTĐT (PLOs)											
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO1 0	PLO1 1	PLO1 2
Hoạt động nhóm	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Trắc nghiệm khách quan		x		x	x	x	x			x	x	
Thi tự luận	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x
Thi vấn đáp	x	x	x	x	x		x				x	x
Tiểu luận	x	x	x	x		x		x	x	x	x	x

6.7. Sơ đồ tiến trình đào tạo

Lộ trình học

Trong đó: Học phần tiên quyết: $\longrightarrow$ Học phần học trước: $\longrightarrow$ Học phần song hành:



8 TC	17 TC	16 TC 20 TC	18 TC 19 TC	17 TC	14TC
------	-------	----------------	----------------	-------	------

7. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN

01. TRIẾT HỌC MÁC LÊNIN

1. Tên học phần (tiếng Việt): Triết học Mác - Lênin	Tên tiếng Anh: Marx - Lenin Philosophy
2. Mã học phần:	7GDC001
3. Số tín chỉ:	3
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Giáo dục đại cương
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30 giờ
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	15 giờ
- Đánh giá giữa học phần	
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác – Lê nin, về vai trò của triết học Mác – Lê nin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế xã hội; giai cấp và dân tộc, nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

8. Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐN L	Mô tả CDR học phần
CLO1	K2	Hiểu được những quan điểm cơ bản của triết học Mác - Lênin về đặc điểm và vai trò của triết học đối với nhận thức và hoạt động thực tiễn, về vật chất và ý thức, các nguyên lý, quy luật, phạm trù, lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng; về học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp và dân tộc, nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội, triết học về con người.
CLO2	S2	Phân tích được các vấn đề triết học theo quan điểm của triết học Mác - Lênin.
CLO3	S2	Áp dụng được quan điểm của triết học Mác - Lênin để giải quyết các vấn đề thuộc các lĩnh vực chuyên môn.
CLO4	A2	Chủ động trong việc lựa chọn các quan điểm về các vấn đề của khoa học theo lập trường của triết học Mác - Lênin.
CLO5	A3	Có thái độ phê phán những quan điểm trái ngược với triết học Mác - Lênin về các vấn đề triết học.

2. KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN

1. Tên học phần (tiếng Việt): Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Tên tiếng Anh: Political Economics of Marxism and Leninism
2. Mã học phần:	7GDC002
3. Số tín chỉ:	02 tín chỉ
4. Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục đại cương
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	20 giờ
- Thí nghiệm, thực hành, thảo luận:	10 giờ
- Đánh giá giữa học phần:	0 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm:	75 giờ

7. Mô tả tóm tắt học phần

Nội dung môn học gồm 6 chương: Chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Kinh tế chính trị Mác - Lênin như đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác - Lênin; từ chương 2 đến chương 6 trình bày những nội dung cơ bản về: Hàng hóa thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

8. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2	Hiểu được các kiến thức cơ bản về hàng hóa thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Hiểu được những kiến thức về cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường
CLO2	K3	Phân tích được các vấn đề về kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam; vấn đề công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam
CLO3	S3	Vận dụng thành thạo tư duy trừu tượng hóa, biện chứng, logic - lịch sử trong nghiên cứu kinh tế chính trị Mác - Lênin
CLO4	A3	Bảo vệ được các quan điểm của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam

3. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

1. Tên học phần (tiếng Việt): Chủ nghĩa xã hội khoa học	Tên tiếng Anh: Scientific Socialism
2. Mã học phần:	7GDC003
3. Số tín chỉ:	02 tín chỉ
4. Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục đại cương
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết:	20 giờ
- Thí nghiệm, thực hành, thảo luận:	10 giờ
- Đánh giá giữa học phần:	0 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm:	giờ

7. Mô tả tóm tắt học phần

Nội dung môn học gồm 7 chương: Chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học (quá trình hình thành, phát triển của Chủ nghĩa xã hội khoa học); từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu môn học.

8. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2	Biết những tri thức cơ bản nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin.
CLO2	K3	Hiểu những lý luận cốt lõi về Chủ nghĩa xã hội khoa học
CLO3	S3	Nâng cao năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức Chủ nghĩa xã hội khoa học cho sinh viên trong việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội (CNXH) và con đường đi lên CNXH ở nước ta.
CLO4	A3	Có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học nói riêng và nền tảng tư tưởng của Đảng ta nói chung.

4. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Tên học phần (tiếng Việt): Tư tưởng Hồ Chí Minh	Tên tiếng Anh: Ho Chi Minh Thought
2. Mã học phần:	7GDC004
3. Số tín chỉ:	02 tín chỉ

4. Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục đại cương
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết:	20 giờ
- Thí nghiệm, thực hành, thảo luận:	10 giờ
- Đánh giá giữa học phần:	

7. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh được kết cấu làm 6 chương. Chương 1 trình bày về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh. Chương 2 giới thiệu về cơ sở và quá trình hình thành Tư tưởng Hồ Chí Minh. Từ chương 3 đến chương 6 giới thiệu về hệ thống các quan điểm, tư tưởng Hồ Chí Minh

8. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CĐR học phần
CLO1 K	K2	Hiểu được những nội dung chủ yếu trong tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc, chủ nghĩa xã hội, xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà nước Việt Nam, về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế, về văn hóa, đạo đức, con người.
CLO2 S	S2	Phân tích được những nội dung chủ yếu trong tư tưởng Hồ Chí Minh.
CLO3 S	S3	Áp dụng được những nội dung chủ yếu trong tư tưởng Hồ Chí Minh để giải quyết các vấn đề thuộc các lĩnh vực chuyên môn.
CLO4 A	A3	Chủ động trong việc lựa chọn các quan điểm về các vấn đề của khoa học theo tư tưởng Hồ Chí Minh.
CLO5 A	A3	Có thái độ phê phán những quan điểm sai trái với tư tưởng Hồ Chí Minh.

5. LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1. Tên học phần (Tiếng Việt): Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Tên tiếng Anh: History of the Vietnamese Communist Party
2. Mã học phần:	7GDC005
3. Số tín chỉ:	02 tín chỉ
4. Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục đại cương
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết:	20 giờ
- Thí nghiệm, thực hành, thảo luận:	10 giờ

- Đánh giá giữa học phần:	
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm:	90 giờ

7. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam được kết cấu với 3 nội dung chính về lịch sử cách mạng Việt Nam từ khi Đảng lãnh đạo. Nội dung thứ nhất trình bày về lịch sử Việt Nam từ 1930 đến 1945. Nội dung thứ hai trình bày về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam giai đoạn 1945 đến 1975. Nội dung thứ ba trình bày về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam từ 1975 đến hiện nay.

8. Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐNL	Mô tả CDR học phần
CLO1 K	K2	Hiểu được những kiến thức cơ bản về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam giai đoạn từ 1930 đến 1945, giai đoạn từ 1945 đến 1975, giai đoạn từ 1975 đến nay.
CLO2 S	S2	Phân tích được các vấn đề về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.
CLO3 S	S3	Áp dụng được những kiến thức cơ bản về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam vào việc giải quyết các nhiệm vụ chuyên môn..
CLO4 A	A3	Chủ động trong việc lựa chọn các quan điểm về các vấn đề của khoa học lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.
CLO5 A	A3	Có thái độ phê phán những quan điểm sai trái về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

6. NGÔN NGỮ ANH 1

1. Tên học phần (Tiếng Việt): Ngôn ngữ Anh 1	Tên tiếng Anh: General English 1
2. Mã học phần:	7GDC007
3. Số tín chỉ:	03
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Giáo dục đại cương
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	11
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	34
- Đánh giá giữa học phần	1 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần ngôn ngữ Anh cơ sở 1 cung cấp kiến thức về ngữ âm, chữ viết, từ vựng, ngữ pháp và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh cơ bản tương đương trình độ A1 theo Khung tham chiếu châu Âu tức Bậc 1 theo Khung năng lực Việt Nam.

8. Nội dung chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CĐR học phần
CLO1 K	K2	Nắm được những kiến thức cơ bản về hệ thống chữ cái, hệ thống nguyên âm, phụ âm, kí hiệu phiên âm quốc tế, trọng âm từ, trọng âm câu, ngữ điệu trong câu trần thuật, và trong câu hỏi Có – Không.
CLO2 K	K2	Có được vốn từ vựng cơ bản về các chủ đề gần gũi quen thuộc như: bản thân, gia đình, bạn bè, nghề nghiệp, nơi ở, đất nước, quốc tịch, các hoạt động thường ngày, hoạt động giải trí, v.v.
CLO3 S	S2	Nhận diện, nắm bắt và vận dụng được các vấn đề ngữ pháp cơ bản như: cách sử dụng mạo từ (a/an), động từ tobe ở thì hiện tại đơn, đại từ chỉ định this, that, động từ khuyết thiếu can/ can't, động từ have/has, like +ving, thì hiện tại đơn, there is/are, tobe ở thì quá khứ đơn, quá khứ đơn, các loại từ, danh từ số ít, số nhiều, sở hữu cách và một số cấu trúc câu thông dụng, v.v.
CLO4 S	S2	Có khả năng nghe hiểu, đọc hiểu, viết và trả lời lại được các tình huống cơ bản trong đời sống hằng ngày như chỉ đường, hỏi đường, trả lời điện thoại, email, ...
CLO5 A	A3	Suy nghĩ độc lập, chủ động có ý kiến hồi đáp, xem xét, dẫn chứng, lý giải, minh hoạ... trong thảo luận, nghiên cứu

7. NGÔN NGỮ ANH 2

1. Tên học phần (tiếng Việt): Ngôn ngữ Anh 2	Tên tiếng Anh: General English 2
2. Mã học phần:	7GDC008
3. Số tín chỉ:	03
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Giáo dục đại cương
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	11
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	34
- Đánh giá giữa học phần	1 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần ngôn ngữ Anh 2 trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng sử dụng tiếng Anh cao hơn ở Bậc 1, làm nền tảng để tiếp tục nâng cao khả năng sử dụng tiếng Anh nhằm tiến tới đạt được trình độ tương đương A2 theo Khung tham chiếu châu Âu (CEFR), tức Bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ cho Việt Nam do Bộ Giáo dục và

đào tạo ban hành ngày 24 tháng 1 năm 2014 (Khung năng lực) về cả 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

8. Nội dung chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1 K	K2	Có khả năng hiểu và sử dụng được những câu và những cụm từ được sử dụng thường xuyên liên quan tới nhu cầu thiết yếu hàng ngày (ví dụ như những thông tin rất cơ bản về cá nhân và gia đình, nơi cư trú, học hành, công việc, v.v.)
CLO2 K	K2	Nghe hiểu được những cuộc trò chuyện ngắn, đơn giản về những chủ điểm quen thuộc.
CLO3 S	S2	Thực hiện được những nhiệm vụ giao tiếp đơn giản hàng ngày, trao đổi những thông tin trực tiếp về những vấn đề quen thuộc thông thường ở dạng nói và dạng viết; có thể sử dụng những từ ngữ đơn giản, dễ hiểu để mô tả về cuộc sống cá nhân, môi trường sống và làm việc thân thuộc cũng như có thể trao đổi về nhu cầu thiết yếu của cá nhân; có thể đưa ra các yêu cầu hay các chỉ dẫn ngắn gọn.
CLO4 S	S2	Đọc hiểu được đại ý và một số chi tiết nhất định trong các văn bản ngắn, đơn giản, dễ hiểu sử dụng hàng ngày như tiêu đề báo đơn giản, các đoạn mô tả người hay sự kiện quen thuộc, thực đơn, bảng giá tiền; hiểu được các thư từ trao đổi cá nhân hay các thư từ giao dịch dạng cơ bản thường gặp (ví dụ như thư hỏi và cung cấp thông tin); hiểu được một số biển báo ở nơi công cộng hay nơi học tập và làm việc.
CLO5 A	S3	Suy nghĩ độc lập, chủ động có ý kiến hồi đáp, xem xét, dẫn chứng, lý giải, minh họa... trong thảo luận, nghiên cứu

8. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN; NGÔN NGỮ ANH CHUYÊN NHÀNH KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC

1. Tên học phần (tiếng Việt): Ngôn ngữ Anh – Chuyên ngành Kỹ thuật Xét nghiệm Y học	Tên tiếng Anh: English for laboratory students
2. Mã học phần:	7XNY043
3. Số tín chỉ: 04	
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Cơ sở khối ngành
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30

-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	0
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ kiểm tra, 2giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	70

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Tiếng Anh chuyên ngành cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng chung về chuyên ngành y, các bộ phận cơ thể, các hệ như hệ hô hấp, hệ tuần hoàn, các kiến thức về gen, vi khuẩn, virus, các bước tiến hành trong xét nghiệm y khoa Từ đó, giúp sinh viên có khả năng đọc, dịch và phân tích các tài liệu chuyên môn có liên quan đến chuyên ngành.

8. Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐNL	Mô tả CDR học phần
CLO1	K1	Ghi nhớ từ vựng, thuật ngữ chuyên ngành bằng Tiếng Anh trong đọc hiểu các bài học trong chương trình về khối ngành sức khỏe và xét nghiệm y học.
CLO2	K1 K2	Ghi nhớ và hiểu những kiến thức về y học ở mức tổng quan, những kiến thức về, bộ phận cơ thể, gen, vi khuẩn, vi rút, tế bào máu,
CLO3	K4 A4	Phân tích các tình huống giao tiếp chuyên ngành đơn giản bằng Tiếng Anh về các chủ đề đã học. Đồng thời đi sâu vào giới thiệu các bước trong xét nghiệm y học, kiến thức thực tế của ngành xét nghiệm.
CLO4	K3 K4 S2	Thực hiện một số chủ đề theo chương trình bằng Powerpoint và kỹ năng trình bày trước lớp. Phân tích đọc hiểu các tài liệu chuyên bằng Tiếng Anh và kỹ năng làm các dạng bài tập .
CLO5	S5 A4	Phát triển kỹ thuật ứng dụng các công cụ công nghệ hỗ trợ dịch thuật và phân tích tiếng Anh chuyên ngành nhanh và hiệu quả.

CLO6	S1 A1	Nhận thức tầm quan trọng việc học và ứng dụng tiếng Anh trong chuyên ngành để chủ động nghiên cứu và nâng cao khả năng tự học tiếng Anh, tham khảo các tài liệu chuyên môn bằng Tiếng Anh.
------	----------	--

9. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN: TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG

1. Tên học phần (tiếng Việt): Tin học đại cương	Tên tiếng Anh: General Informatics
2. Mã học phần:	7GDC019
3. Số tín chỉ:	3
4. Thuộc khối kiến thức:	Kiến thức đại cương
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	15 giờ
- Thí nghiệm, thực hành, thảo luận:	30 giờ
- Đánh giá giữa học phần:	1 buổi
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm:	45 giờ

7. Mô tả tóm tắt học phần

Môn học gồm 2 phần:

- Phần 1: Các khái niệm cơ sở về thông tin, phần cứng và phần mềm máy tính, các ứng dụng và đạo đức nghề nghiệp.
- Phần 2: Kiến thức kỹ năng sử dụng: hệ điều hành, MS office (hoặc Open office) và khai thác một số dịch vụ trên Internet.

8. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K3	Hiểu được các kiến thức cơ bản về thông tin: khái niệm thông tin, dữ liệu, đơn vị đo thông tin, phân loại thông tin, khái niệm xử lý thông tin.
CLO2	K3	Nắm được các kiến thức về phần cứng, phần mềm máy tính; Các kiến thức hệ điều hành, một số phần mềm thông dụng như phần mềm hỗ trợ công tác văn phòng và khai thác Internet.
CLO3	S3	Biết sử dụng hệ điều hành và cài đặt một số phần mềm tiện ích, phần mềm văn phòng thông dụng, biết cách gửi e-mail, biết cách giải quyết một số sự cố thông thường về phần mềm khi gặp phải.
CLO4	S3	Sử dụng thành thạo các phần mềm của Microsoft Office, cụ thể để: soạn thảo văn bản trong Word; tính toán trong bảng tính Excel; biên soạn và trình chiếu các thuyết trình trong PowerPoint, Biết khai thác các dịch vụ cơ bản trên Internet
CLO5	A2	Thực hiện đúng kế hoạch học tập đã đề ra

10. XÁC SUẤT THỐNG KÊ Y HỌC

(Probability and Medical statistics)

1. Tên học phần (tiếng Việt): Xác suất thống kê y học	Tên tiếng Anh: Probability and Medical statistics
2. Mã học phần:	7GDC029
3. Số tín chỉ: 02	
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Cơ sở khối ngành
5. Loại học phần:	Chọn
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	0
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	70

7. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xác suất và thống kê, từ đó giúp sinh viên giải quyết một số vấn đề chuyên môn thông qua điều tra và xử lý số liệu thống kê, cũng như làm công cụ hỗ trợ cho các học phần Y Dược.

9. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	- Hiểu được ĐN xác suất, xác suất có điều kiện, công thức cộng và nhân, các hệ quả như công thức Becnuli, xác suất đầy đủ, Bayes. - Hiểu được các khái niệm và phân biệt được biến ngẫu nhiên và các quy luật phân phối, các quy luật phân phối nhị thức, phân phối Poisson, phân phối chuẩn, phân phối khi bình phương, phân phối Student
CLO2	K3 (Áp dụng)	- Xác định được mẫu ngẫu nhiên và các đặc trưng mẫu - Nêu được cách ước lượng điểm, ước lượng khoảng - Nêu được các giả thiết thống kê, miền bác bỏ
CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	- Tính được xác suất của biến cố bằng cách kết hợp các công thức công thức Becnuli, xác suất đầy đủ, Bayes. - Tìm được quy luật phân phối xác suất của các biến ngẫu nhiên - Tìm được khoảng ước lượng và kiểm định được giả thuyết thống kê
COL4	S3 (Kỹ năng vận dụng)	Vận dụng được các qui luật của XSTK vào thống kê y học

	thành thạo)	
CLO5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Tích cực nghe giảng trên lớp, thảo luận, tham gia đầy đủ các hoạt động trên lớp, nghiên cứu và làm bài tập tại nhà.
CLO6	A2 (Thái độ hỏi đáp, phản ứng)	Có ý thức tự học, tự nghiên cứu đam mê tìm tòi phát triển ứng dụng trong ngành xét nghiệm y học

11. SINH HỌC VÀ DI TRUYỀN

(BIOGRAPPHY AND GENETICS)

1. Tên học phần (tiếng Việt): Sinh học và di truyền	Tên tiếng Anh: Biogranphy and genetics
2. Mã học phần:	7XNY001
3. Số tín chỉ: 02	
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Khối cơ sở ngành
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30 tiết
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	0 tiết
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	70

7. Mô tả tóm tắt học phần

Mô tả tóm tắt nội dung học phần: sinh học tế bào: cấu tạo, thành phần hóa học, sự vận chuyển các chất qua màng tế bào, sự quang hợp và hô hấp tế bào, cơ sở vật chất của di truyền, các quy luật di truyền, sự phân bào, đột biến gen, đột biến nhiễm sắc thể, sự tiến hóa của sinh giới.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	Trình bày được cấu tạo của tinh trùng và các loại trứng, đặc điểm sự phân cắt và sự tạo thành phôi của các loại trứng. Nêu được các đặc điểm của giai đoạn sinh trưởng, trưởng thành, già và chết

CLO2	K3 (Áp dụng)	Trình bày được tổng hợp, thoái hóa của AND, ARN, điều hòa sinh tổng hợp Protein, ảnh hưởng của giới tính đến di truyền, cơ chế đột biến gen
CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	Trình bày được một số phương pháp nghiên cứu di truyền y học, ứng dụng trong chẩn đoán và điều trị
COL4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Mô tả được triệu chứng, kiểu hình, kiểu gen của một số bệnh rối loạn vật chất di truyền, bệnh di truyền trên NST thường và NST giới tính
CLO5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Nhận thức được tầm quan trọng của chẩn đoán trước sinh, xây dựng kế hoạch và đánh giá hoạt động trong công tác quản lý có hiệu quả
CLO6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	Có tinh thần trách nhiệm; tư vấn bệnh tật để người bệnh và người nhà của họ yên tâm chữa bệnh, Trung thực và khách quan. Nhận biết và khắc phục các sai lầm trong nghề nghiệp.

12. HÓA ĐẠI CƯƠNG

(Inorganic diamond chemistry)

1. Tên học phần (tiếng Việt): Hóa đại cương	Tên tiếng Anh: Inorganic diamond chemistry
2. Mã học phần:	7XNY035
3. Số tín chỉ: 02	
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Cơ sở khối ngành
5. Loại học phần:	Chọn
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	0
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	70

7. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần trang bị những kiến thức cơ bản của học phần Hóa đại cương vô cơ. Đó là: cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản về cấu tạo nguyên tử, cân bằng hóa học, tính chất của dung dịch không điện ly, dung dịch điện ly, dung dịch phức chất, dung dịch chất điện ly ít tan, phản ứng oxy hóa khử và dòng điện. Đặc điểm, trạng thái, tính chất lý hóa, và phân loại các nguyên tố như Hydrogen, các nguyên tố thuộc nhóm I đến VIII.

8. Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	Vận dụng được các kiến thức đã học về Hóa đại cương - Vô cơ vào việc tiếp thu các kiến thức có liên quan đến lĩnh vực trong ngành dược
CLO2	K3 (Áp dụng)	Vận dụng được các kiến thức đã học vào kỹ thuật công nghệ sản xuất thuốc chữa bệnh, đáp ứng được công việc nghiên cứu công nghệ, cải tiến công nghệ và phát triển sản phẩm mới
CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	Nhận thức được rằng môn Hóa đại cương – vô cơ là kiến thức nền tảng của ngành dược
CLO4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Vận dụng được kiến thức đã học vào thực tiễn công việc Giải quyết được các vấn đề phát sinh trong học tập và công việc
CLO5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Tích cực nghe giảng trên lớp, thảo luận, tham gia đầy đủ các hoạt động trên lớp, nghiên cứu và làm bài tập tại nhà.
CLO6	A2 (Thái độ hỏi đáp, phản ứng)	Suy nghĩ độc lập, chủ động có ý kiến hỏi đáp, xem xét, dẫn chứng, lý giải, minh họa... trong thảo luận, nghiên cứu

13. VẬT LÝ – LÝ SINH

(Probability and Medical statistics)

1. Tên học phần (tiếng Việt): Vật lý – Lý sinh	Tên tiếng Anh: Probability and Medical statistics
2. Mã học phần:	7XNY002
3. Số tín chỉ: 02	
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Cơ sở khối ngành
5. Loại học phần:	Chọn
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30 tiết
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	0
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	70

7. Mô tả tóm tắt học phần

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về vật lý và sinh học đối với sức khỏe con người. Hiểu được vai trò của vật lý đối với Dược học và khoa học sự sống, ghi nhớ được phương pháp đo lường và đơn vị đo, một số đặc điểm của nhóm mẫu lớn

8. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	Vận dụng được các kiến thức đã học về Vật lý - lý vào việc tiếp thu các kiến thức có liên quan đến lĩnh vực trong ngành dược. Trình bày được các kiến thức nền tảng kỹ thuật cốt lõi, về các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực thực hành ngành y - dược
CLO2	K3 (Áp dụng)	Áp dụng được các kiến thức nền tảng kỹ thuật nâng cao, về các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực công nghệ bảo vệ thuốc chữa bệnh, đáp ứng được công việc nghiên cứu công nghệ, cải tiến công nghệ và phát triển sản phẩm mới
CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	Có kỹ năng thực nghiệm về Vật lý – lý sinh trong kiểm nghiệm dược như: tách chất, định tính các chất vô cơ trong các sản phẩm thuốc và liên quan đến thuốc
CLO4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Có kỹ năng thực nghiệm và đánh giá kết quả thực nghiệm trong qui trình công nghệ sản xuất thuốc trong ngành dược.
CLO5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Nhận thức được rằng môn Vật lý – lý sinh là kiến thức nền tảng của ngành dược
CLO6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	Có ý thức tự học, tự nghiên cứu đam mê tìm tòi phát triển ứng dụng trong công nghệ dược phẩm

14. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TÂM LÝ HỌC- ĐẠO ĐỨC Y HỌC

1. Tên học phần (tiếng Việt):	Tên tiếng Anh: Psychology-Medical ethics
2. Mã học phần:	7XNY003
3. Số tín chỉ:	02
4. Thuộc khối kiến thức	Đại cương
5. Loại học phần	Bắt buộc

6. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết	30
- Thảo luận, thực hành	
- Đánh giá giữa học phần	01 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	

7. Mô tả tóm tắt học phần (Course Description)

Môn học gồm 2 phần cơ bản:

Phần 1-Tâm lý y học: cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tâm lý người khỏe, tâm lý người bệnh và cách giao tiếp với các đối tượng người bệnh và cách phòng chống tâm chấn cho các đối tượng người bệnh.

Phần 2 - Đạo đức y học: cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về những nguyên lý cơ bản của đạo đức và đạo đức của người cán bộ y tế trong chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

8. Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần
CLO1 (K)	K2	Hiểu và nắm vững những lý thuyết cơ bản về tâm lý người bệnh, tâm lý cán bộ y tế và cách giao tiếp của cán bộ y tế đối với người bệnh. Biết vận dụng được vào thực hành lâm sàng trong cách khai thác bệnh, thăm khám người bệnh và hướng xử trí ban đầu đem lại hiệu quả cao trong chăm sóc người bệnh.
CLO2 (S)	S2	Nhận thức được rằng môn học Tâm lý học- Đạo đức y học có mối liên quan đến nhiều vấn đề khác để làm tốt trong giao tiếp, ứng xử đối xử với người bệnh, với đồng nghiệp, với xã hội.
CLO3 (S)	S2	Có tinh thần trách nhiệm trong tư vấn bệnh tật để người bệnh và người nhà của họ yên tâm chữa bệnh. Trung thực và khách quan để nhận biết và khắc phục các sai lầm trong nghề nghiệp.
COL4 (A)	A2	Có tinh thần trách nhiệm trong tư vấn bệnh tật để người bệnh và người nhà của họ yên tâm chữa bệnh. Trung thực và khách quan để nhận biết và khắc phục các sai lầm trong nghề nghiệp.
CLO5	A3	Tôn trọng đồng nghiệp, cầu thị, hợp tác làm việc theo nhóm và phối hợp với đồng nghiệp

15. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN: PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

1. Tên học phần (tiếng Việt): Pháp luật đại cương	Tên tiếng Anh: Fundamentals of Law
2. Mã học phần:	7GDC006
3. Số tín chỉ:	02
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Đại cương
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	25
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	4
- Đánh giá giữa học phần	1
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc thuộc phần kiến thức đại cương, giảng dạy cho sinh viên các trường đại học không chuyên ngành luật. Học phần gồm các kiến thức khái quát chung về Nhà nước và pháp luật; hệ thống pháp luật; luật hiến pháp; luật hành chính; luật dân sự; luật hình sự; giúp sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về pháp luật Việt Nam, áp dụng vào thực tiễn, nâng cao ý thức pháp luật, đánh giá, định hướng hành vi của mình và người khác theo chuẩn mực pháp lý, tôn trọng và thực hiện pháp luật.

8. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐ NL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2	Giải thích được các nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật, như: nguồn gốc ra đời, bản chất, đặc điểm, chức năng, kiểu Nhà nước, hình thức Nhà nước; cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; đặc điểm của pháp luật; khái niệm quy phạm pháp luật; quan hệ pháp luật; khái niệm vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý.
CLO2	K3	Áp dụng được các quy định cơ bản của pháp luật Việt Nam trong các ngành luật: Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Dân sự, Luật Hình sự, Luật Hôn nhân và Gia đình vào phân tích các vấn đề liên quan
CLO3	S2	Giải thích được các quy định phù hợp đối với từng hành vi vi phạm pháp luật cụ thể
CLO4	S3	Sử dụng được hệ thống văn bản quy phạm pháp luật vào từng tình huống cụ thể phát sinh trong thực tiễn
CLO5	A3	Cẩn thận, trung thực và đề xuất những ý kiến riêng về các quy định của pháp luật

16. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

(Research Methods)

1. Tên học phần (tiếng Việt): Phương pháp nghiên cứu khoa học	Tên tiếng Anh: Research Methods
2. Mã học phần:	7GDC021
3. Số tín chỉ: 03	
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Giáo dục đại cương
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết	30
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	10
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khoa học, hoạt động khoa học và công nghệ, nghiên cứu khoa học, đề tài nghiên cứu khoa học, xây dựng luận điểm khoa học, vai trò của luận điểm khoa học trong nghiên cứu khoa học, trình tự xây dựng luận điểm khoa học, giả thuyết khoa học, chứng minh luận điểm khoa học, các phương pháp tiếp cận trong nghiên cứu khoa học (như nghiên cứu tài liệu, phương pháp phi thực nghiệm, phương pháp thực nghiệm, phương pháp trắc nghiệm, hội nghị khoa học, xử lý thông tin khoa học, phân tích kết quả nghiên cứu...), trình bày luận điểm khoa học, luận văn khoa học. Hình thành Kỹ năng thao tác nghiên cứu khoa học, biết xây dựng luận điểm khoa học, chứng minh luận điểm khoa học và trình bày luận điểm khoa học, viết tài liệu khoa học, thuyết trình khoa học. Hình thành đạo đức khoa học trong sinh viên

8. Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	- Giải thích, phân tích được những khái niệm cơ bản trong nghiên cứu khoa học như khái niệm khoa học, nghiên cứu khoa học, hoạt động nghiên cứu khoa học, hoạt động khoa học và công nghệ (S&T Activity). - Giải thích được sự hình thành của lý thuyết khoa học, con đường hình thành của khoa học, logic phát triển của khoa học...từ đó chỉ ra được tương lai và triển vọng phát triển của các ngành khoa học. - Phân tích được cấu trúc logic, trình tự của một nghiên cứu khoa học.

CL2	K3 (Áp dụng)	- Xác định và vận dụng được các phương pháp và kỹ thuật trong nghiên cứu khoa học.
CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	- Nhận diện, phân loại và phân biệt được các loại hình khoa học, nghiên cứu khoa học, kết quả của nghiên cứu khoa học.
CL4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	- Thiết kế được một đề cương nghiên cứu khoa học. - Phát hiện được vấn đề nghiên cứu. - Xây dựng giả thuyết nghiên cứu. - Chứng minh giả thuyết nghiên cứu - Phân tích được cấu trúc logic của một nghiên cứu khoa học.
CLO5	A3 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Tiến hành độc lập được một nghiên cứu khoa học. - Trình bày được kết quả nghiên cứu khoa học.
CLO6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	Thực hiện tốt kế hoạch học tập của bài học và học phần

17. HỌC PHẦN: GIẢI PHẪU

1. Tên học phần (tiếng Việt): giải phẫu	Tên tiếng Anh: Antomy
2. Mã học phần:	7XNY004
3. Số tín chỉ: 03	
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Kiến thức cơ sở ngành
5. Loại học phần:	Chọn
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	30
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần giải phẫu nằm trong kiến thức cơ sở ngành nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về hình thái và cấu trúc của các cơ quan, xác định được mốc giải phẫu, đường đi, nguyên ủy bám tận của các cơ, thần kinh, mạch máu giúp chẩn đoán và điều trị có hiệu quả.

8. Chuẩn đầu ra học phần

ĐR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần
--------------------	------------------------------------	---------------------------

CLO1	OK2 (Hiểu kiến thức)	Nắm được kiến thức cơ bản giải phẫu cơ thể người như hệ tuần hoàn, hô hấp, tiêu hoá, tiết niệu, thần kinh..
CLO2	K3 (Áp dụng)	Áp dụng vào công tác khám chữa bệnh, phẫu thuật cơ bản về các bệnh lý thông thường của cơ quan tim mạch, hô hấp, tiêu hoá, tiết niệu và các bệnh về máu...
CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	Vận dụng trong chẩn đoán một số bệnh lý thông thường đưa ra phương hướng điều trị và xử trí đem lại hiệu quả cho người bệnh.
CLO4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Áp dụng kiến thức đã học đưa ra chẩn đoán và xử trí kịp thời cho người bệnh, đặc biệt là tư vấn cho người bệnh dùng thuốc hiệu quả và đúng cách
CLO5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Tích cực nghe giảng trên lớp, thảo luận, tham gia đầy đủ các hoạt động ngoại khóa.
CLO6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	Suy nghĩ độc lập, chủ động có ý kiến hồi đáp, xem xét, dẫn chứng, lý giải, minh hoạ... trong thảo luận, nghiên cứu

18. HỌC PHẦN: SINH LÝ - MÔ

1. Tên học phần (tiếng Việt): sinh lý- mô	Tên tiếng Anh: Physiology - Tissue
2. Mã học phần:	7XNY005
3. Số tín chỉ: 02	
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Kiến thức cơ sở ngành
5. Loại học phần:	Chọn
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	0
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần sinh lý nằm trong khối kiến thức ngành nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chức năng, hoạt động của cơ quan và chức năng điều hòa trong mối liên

hệ thống nhất giữa các cơ quan trong cơ thể, giữa cơ thể với môi trường bên ngoài.

Mô tả cấu tạo hình thái vi thể, siêu vi thể và hóa học của các mô và các bộ phận chủ yếu của những cơ quan trong cơ thể người bình thường, giải thích mối liên quan giữa cấu

8. Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần
CLO1	OK2 (Hiểu kiến thức)	Nắm vững kiến thức về hoạt động sinh lý – mô của các cơ quan tổ chức, Phân tích được từng đặc tính sinh lý của các cơ quan trong điều kiện bình thường.
CLO2	K3 (Áp dụng)	Trình bày và phân tích được kiến thức cơ bản về các hoạt động sinh lý bình thường, vận dụng vào một số bệnh lý, của hệ cơ quan tim mạch, hô hấp, tiêu hoá...
CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	Biết sử dụng và hiểu một số máy thông thường như điện tim, máy hô hấp áp dụng trong lâm sàng.
CLO4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Nhận thức đúng, Vận dụng, áp dụng trên người bệnh, đặc biệt là tư vấn cho người bệnh dùng thuốc hiệu quả và đúng cách
CLO5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Tích cực nghe giảng trên lớp, thảo luận, tham gia đầy đủ các hoạt động ngoại khóa.
CLO6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	Xây dựng tính độc lập, chủ động có ý kiến hồi đáp, xem xét, dẫn chứng, lý giải, minh họa... trong thảo luận, học tập, nghiên cứu

19. HỌC PHẦN: SINH LÝ BỆNH & MIỄN DỊCH

1. Tên học phần (tiếng Việt): Sinh lý bệnh & miễn dịch	Tên tiếng Anh: Pathophysiology
2. Mã học phần:	7XNY006
3. Số tín chỉ:	02
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Kiến thức cơ sở ngành
5. Loại học phần:	Chọn
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30

-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	0
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Sinh lý bệnh và Miễn dịch nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành nhằm trang bị cho sinh viên ngành xét nghiệm khái niệm cơ bản, nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh các rối loạn chức năng của cơ thể như mất nước, rối loạn điện giải, phù, viêm, sốt, nhiễm acid-base, rối loạn chuyển hóa glucid - lipid – protein...cung cấp các kiến thức và kỹ năng để hiểu và phân tích được cơ chế sinh bệnh của các hệ thống trong cơ thể như tim mạch, hô hấp, tiêu hóa, gan mật, nội tiết sinh dục. Ngoài ra, sinh viên còn được trang bị về chỉ định và đọc kết quả xét nghiệm về sinh hóa máu, xét nghiệm máu, xét nghiệm chức năng gan, chức năng thận, huyết đồ của một số bệnh lý cơ bản thường gặp.

Cung cấp những kiến thức cơ bản về hệ thống miễn dịch, các rối loạn các thành phần của hệ thống này và cơ chế sinh bệnh của một số bệnh lý miễn dịch hay gặp trong lâm sàng.

8. Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần
CLO1	OK2 (Hiểu kiến thức)	Phân tích được các cơ chế rối loạn hoạt động của các cơ quan và biểu hiện trên lâm sàng và vận dụng vào trong chẩn đoán bệnh thường gặp. Vận dụng những hiểu biết và giả thích cơ chế kháng nguyên, kháng thể trong hệ thống miễn dịch của cơ thể.
CLO2	K3 (Áp dụng)	Áp dụng và phân tích được kiến thức cơ bản về các hoạt động sinh lý bệnh của các cơ quan và vận dụng vào một số bệnh lý, của hệ cơ quan tim mạch, hô hấp, tiêu hoá...
CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	Biết sử dụng và hiểu một số máy thông thường như điện tim, máy hô hấp áp dụng trong lâm sàng.
COL4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Vận dụng, một số kỹ thuật để giải thích khi rối loạn một số hoạt động cơ quan. trên người bệnh, đặc biệt là tư vấn cho người bệnh khi đánh giá kết quả cận lâm sàng và dùng thuốc hiệu quả và đúng cách.

CLO5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Tích cực nghe giảng trên lớp, thảo luận, tham gia đầy đủ các hoạt động ngoại khóa. Chủ động tiếp nhận thông tin và tư vấn cho người bệnh
CLO6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	Xây dựng tính độc lập, chủ động có ý kiến hồi đáp, xem xét, dẫn chứng, lý giải, minh họa... trong thảo luận, học tập, nghiên cứu.

20. DƯỢC LÝ (Pharmacology)

1. Tên học phần (tiếng Việt): Dược lý	Tiếng Anh: Pharmacology
2. Mã học phần:	7XNY007
3. Số tín chỉ:	02
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Kiến thức ngành
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30 TIẾT
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90

7. Mô tả tóm tắt học phần:

- Cung cấp cho sinh viên kiến thức: Khái niệm, phân loại các nhóm thuốc. Lắm được cơ chế tác dụng của thuốc. Nêu được tác dụng chính, tác dụng không mong muốn, chỉ định, chống chỉ định, liều lượng, và cách dùng. Trình bày được dược động học của thuốc, biết vận dụng kiến thức để hướng dẫn sử dụng thuốc cho người bệnh và cán bộ Y tế một cách an toàn hiệu quả và kinh tế.
- Sau khi học xong phải hiểu được Khái niệm và Phân loại các nhóm thuốc. Lắm được cơ chế tác dụng, tác dụng của các loại thuốc. Trình bày được dược động học của thuốc (hấp thu, phân bố, chuyển hóa và thải trừ của các loại thuốc). sử dụng thành thạo các nhóm thuốc: Thuốc tác dụng trên hệ thần kinh trung ương, thuốc tác dụng trên hệ thần kinh thực vật, thuốc tim mạch, thuốc lợi tiểu, thuốc điều trị dạ dày, thuốc chống đông máu, thuốc kháng sinh, thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm, nhóm thuốc hormone, thuốc kháng histamin, thuốc chống ung thư, hormone, vitamin...

8. Chuẩn đầu ra học phần

CDR học	TĐNL (Thang)	Mô tả CDR học phần
---------	-----------------	--------------------

phần	đo năng lực)	
CLO1	OK2 (Hiểu kiến thức)	Trình bày được các Khái niệm, phân loại các thuốc, bệnh sinh bệnh nguyên liên quan đến cơ chế tác dụng của thuốc và tác dụng không mong muốn của thuốc. làm được được động học của thuốc
CLO2	K3 (Áp dụng)	-Trình bày được chỉ định điều trị cách dùng, liều dung, chống chỉ định, tương tác thuốc và những lưu ý đặc biệt của các nhóm thuốc.
CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	-Thực hành hướng dẫn sử dụng thuốc An toàn, hiệu quả và kinh tế. Phân tích đơn thuốc trong điều trị
COL4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Sau khi học xong mỗi nhóm thuốc học viên tự trình bày thành thạo: Tên thuốc, tên hoạt chất: Vận dụng kiến thức đã học vào. Phân tích đơn thuốc nói rõ tác dụng chính, tác dụng phụ các loại thuốc trong đơn, chỉ định, chống chỉ định, vận dụng kiến thức được động học tìm ra được các cặp tương tác thuốc, tìm ra được sai sót trong đơn về liều lượng, cách dùng, đường dùng, thời điểm dùng của thuốc, tương tác thuốc, chú ý đối tượng đặc biệt trẻ em, người cao tuổi, phụ nữ có thai người có bệnh đi kèm. Cách phối hợp thuốc hợp có lý không...
CLO5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Tích cực nghe giảng trên lớp, thảo luận, tham gia đầy đủ các hoạt động ngoại khóa.
CLO6	A2 (Thái độ hỏi đáp, phản ứng)	Suy nghĩ độc lập, chủ động có ý kiến hỏi đáp, xem xét, dẫn chứng, lý giải, minh họa... trong thảo luận, nghiên cứu

21. HỌC PHẦN: ĐIỀU DƯỠNG – CẤP CỨU BAN ĐẦU

1. Tên học phần (tiếng Việt): điều dưỡng cơ bản – cấp cứu ban đầu	Tên học phần (tiếng Anh): Basic nursing – first aid
2. Mã học phần:	7XNY008
3. Số tín chỉ:	02
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Kiến thức ngành (Chuyên ngành)
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	15
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	30
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)

- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	30
-----------------------------------	----

7. MÔ TẢ HỌC PHẦN (COURSE DESCRIPTION)

Học phần Điều dưỡng cơ bản – cấp cứu ban đầu cung cấp cho sinh viên những kiến thức, thực hành kỹ năng cơ bản của Điều dưỡng như lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm, tiêm truyền, đặt sonde dạ dày, rửa dạ dày, đặt sonde tiểu, chăm sóc vết thương, vết loét ... Đồng thời trang bị cho sinh viên những kỹ năng thực hành một số kỹ thuật điều dưỡng trong chăm sóc, sơ cứu - cấp cứu ban đầu cho người bệnh như: băng bó, sơ cứu gãy xương, hồi sinh tim phổi, ... và phụ giúp bác sĩ trong các tình huống cụ thể.

8. Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	- Phân biệt được các giới hạn bình thường, bất thường của mạch, nhiệt độ, huyết áp, nhịp thở - Nhận biết được các dấu hiệu thiếu oxy, ngừng tuần hoàn để đưa ra những biện pháp cấp cứu kịp thời. - Mô tả được quy trình kỹ thuật Điều dưỡng những tai biến có thể xảy ra trong và sau khi thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng - Mô tả được mức độ loét ép, tình trạng vết thương, tình trạng gãy xương để có hướng xử trí phù hợp.
CLO2	K4 (Phân tích/tổng hợp)	- Nhận biết, phân tích được những trường hợp áp dụng, không áp dụng, mục đích, ý nghĩa của từng kỹ thuật điều dưỡng
CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	Biết cách phụ giúp bác sĩ đặt nội khí quản, mở khí quản và chọc dịch màng bụng, màng phổi, màng tim...
CLO4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Thực hiện đúng quy trình kỹ thuật các kỹ năng điều dưỡng cơ bản: Theo dõi dấu hiệu sinh tồn; Tiêm truyền, lấy bệnh phẩm làm XN; Đặt sonde tiểu; sonde dạ dày..., các kỹ năng cấp cứu ban đầu cho người bệnh: cấp cứu ngừng tuần hoàn; sơ cứu cấp cứu nạn nhân gãy xương; chảy máu;
CLO5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Nhận thức được tầm quan trọng của môn học, tự chịu trách nhiệm cá nhân trong quá trình học tập và thực tập tại bệnh viện
CLO6	A2 (Thái độ hỏi đáp, phản ứng)	Giao tiếp tốt với người bệnh, với đồng nghiệp, hợp tác và làm việc nhóm tốt. Trung thực và khách quan. Nhận biết và khắc phục các sai lầm trong nghề nghiệp
CLO7		Tôn trọng, cảm thông, chia sẻ với người bệnh và gia đình.

22. HỌC PHẦN: BỆNH HỌC NỘI KHOA

1. Tên học phần (tiếng Việt): Bệnh học nội khoa	Tên tiếng Anh: Internal pathology
2. Mã học phần:	7XNY009
3. Số tín chỉ:	02
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Kiến thức cơ sở ngành
5. Loại học phần:	Chọn
6. Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết	30 tiết
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	0
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Môn bệnh học nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành, cung cấp cho người học những kiến thức về: định nghĩa, nguyên nhân, điều kiện thuận lợi, đường lây truyền, yếu tố nguy cơ, triệu chứng, biện pháp điều trị và dự phòng một số bệnh thường gặp của các hệ cơ quan: tim mạch, hô hấp, tiêu hóa, nội tiết, tiết niệu, thần kinh; bệnh về máu và cơ quan tạo máu, bệnh cơ xương khớp.

Biết tư vấn cho người bệnh làm công tác xét nghiệm hiệu quả.

8. Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần
CLO1	OK2 (Hiểu kiến thức)	Nắm được kiến thức về những nguyên nhân, triệu chứng và điều trị và dự phòng một số bệnh lý thông thường và đưa ra hướng xử trí ban đầu
CLO2	K3 (Áp dụng)	Trình bày và phân tích được kiến thức cơ bản về các bệnh lý thông thường của cơ quan tim mạch, hô hấp, tiêu hoá, tiết niệu và các bệnh về máu...
CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	Vận dụng trong chẩn đoán một số bệnh lý thông thường đưa ra phương hướng điều trị và dự phòng, đem lại hiệu quả cho người bệnh.
COL4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Vận dụng áp dụng trên người bệnh, đặc biệt là tư vấn cho người bệnh dùng thuốc hiệu quả và đúng cách

CLO5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Tích cực nghe giảng trên lớp, thảo luận, tham gia đầy đủ các hoạt động ngoại khóa.
CLO6	A2 (Thái độ hỏi đáp, phản ứng)	Suy nghĩ độc lập, chủ động có ý kiến hỏi đáp, xem xét, dẫn chứng, lý giải, minh họa... trong thảo luận, nghiên cứu

23. HỌC PHẦN: BỆNH HỌC NGOẠI KHOA

1. Tên học phần (tiếng Việt): bệnh học ngoại khoa	Tên tiếng Anh: Surgical pathology
2. Mã học phần:	7XNY010
3. Số tín chỉ:	02
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Kiến thức cơ sở ngành
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	0
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90 tiết

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Môn bệnh học ngoại khoa nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành, cung cấp cho người học những kiến thức về: triệu chứng các bệnh cấp cứu ngoại khoa thường gặp. giúp cho sinh viên nhận định được người bệnh mắc các bệnh cấp cứu ngoại khoa và từ đó đưa ra được kế hoạch điều trị và xử trí bước đầu đem lại hiệu quả.

8. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CĐR học phần
CLO1	OK2 (Hiểu kiến thức)	Nắm được kiến thức về những nguyên nhân, triệu chứng và các phương pháp điều trị ngoại khoa thông thường.
CLO2	K3 (Áp dụng)	Áp dụng vào việc chẩn đoán và điều trị các bệnh lý ngoại khoa trong cơ quan tiêu hoá, trong các chấn thương.
CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	Sáng tạo trong việc chẩn đoán, xử trí một số bệnh lý ngoại khoa trong cơ quan tiêu hoá, trong các chấn thương. đem lại hiệu quả cho người bệnh

COL4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Vận dụng áp dụng trên người bệnh, đặc biệt là tư vấn cho người bệnh dùng thuốc hiệu quả và đúng cách
CLO5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Tích cực nghe giảng trên lớp, thảo luận, tham gia đầy đủ các hoạt động ngoại khóa.
CLO6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	Suy nghĩ độc lập, chủ động có ý kiến hồi đáp, xem xét, dẫn chứng, lý giải, minh họa... trong thảo luận, nghiên cứu

24. DỊCH TỄ HỌC VÀ CÁC BỆNH TRUYỀN NHIỄM (Epidemiology and Infectious Diseases)

1. Tên học phần (tiếng Việt): Dịch tễ học và Bệnh truyền nhiễm	Tên tiếng Anh: (Epidemiology and Infectious Diseases)
2. Mã học phần:	7XNY011
3. Số tín chỉ: 02 LT	
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Cơ sở khối ngành Y học dự phòng
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30 tiết
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	0 tiết
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60 tiết

7. Mô tả tóm tắt học phần

Là học phần chủ yếu, cơ bản của khoa học y học dự phòng và có mối liên quan kiến thức, kỹ năng ứng dụng thực hành quan trọng đối với hầu hết các học phần khác của khối ngành về khoa học Y-Dược

- Cung cấp những kiến thức cơ bản về dịch tễ học chung và dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm.

- Trang bị kiến thức cơ bản về các chiến lược thiết kế nghiên cứu dịch tễ học, đo lường, điều tra, xử lý dịch và phòng chống dịch bệnh trong nghiên cứu khoa học y-dược.

- Ứng dụng kiến thức đạt được về đặc điểm dịch tễ học nhiễm khuẩn-bệnh truyền nhiễm vào thực tiễn trong việc phòng ngừa dịch bệnh truyền nhiễm tại cộng đồng và các cơ sở y tế về khám chữa bệnh ...

8. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học	TĐNL (Thang đo năng	Mô tả CĐR học phần
----------------	-------------------------------	---------------------------

phần	lực)	
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	Nắm vững được những kiến thức cơ bản dịch tễ học: về sự phân bố các bệnh trạng cùng với những căn nguyên quy định sự phân bố đó. Về Mục tiêu, Đối tượng nhiệm vụ và nội dung của Dịch tễ học
CLO2	K3 (Áp dụng)	-Áp dụng được những kiến thức cơ bản về các chiến lược thiết kế nghiên cứu dịch tễ học trong nghiên cứu khoa học y-dược - Ứng dụng được các loại nghiên cứu dịch tễ học mô tả, phân tích và can thiệp vào chuyên môn và hoạt động nghiên cứu khoa học y dược
CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	- Vận dụng được cách điều tra, xử lý dịch bệnh xảy ra trên thực tế . - Vận dụng được các biện pháp phòng ngừa dịch bệnh cho bản thân và cộng đồng
CLO4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	- Trình bày được cách phân loại các bệnh truyền nhiễm gây dịch bệnh hiện nay - Đo lường được các số đo cơ bản về bệnh trạng, mắc bệnh, dịch bệnh và tử vong
CLO5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	- Cầu thị tiếp thu bài giảng, tham khảo tài liệu cập nhật thông tin nâng cao kiến thức - Học tập chuyên cần, đáp ứng đầy đủ chương trình số tiết học lên lớp
CLO6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	- Năng động, tích cực phản hồi trao đổi nâng cao kiến thức kỹ năng bài giảng .

25. DINH DƯỠNG – VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM (Nutrition-Food safety and hygiene)

1. Tên học phần (tiếng Việt): Dinh dưỡng-Vệ sinh an toàn thực phẩm	Tên tiếng Anh: Nutrition-Food safety and hygiene
2. Mã học phần:	7XNY012
3. Số tín chỉ: 02 LT	
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Cơ sở khối ngành Y học dự phòng
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30 tiết

-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	0 tiết
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60 tiết

7. Mô tả tóm tắt học phần

Là học phần chủ yếu, cơ bản của khoa học y học dự phòng và có mối liên quan kiến thức, kỹ năng ứng dụng thực hành quan trọng đối với hầu hết các học phần khác của khối ngành về khoa học Y-Dược

Học phần này cung cấp cho sinh viên những vấn đề cơ bản về vai trò của dinh dưỡng đối với sự sống và sức khỏe con người; về vai trò, giá trị và nhu cầu của các chất dinh dưỡng đối với cơ thể; Về đảm bảo Vệ sinh An toàn thực phẩm, phòng chống ô nhiễm thực phẩm bảo vệ sức khỏe con người

8. Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	- Hiểu biết được tầm quan trọng của dinh dưỡng và an toàn Vệ sinh thực phẩm đến sức khỏe con người - Hiểu biết rõ được vai trò, giá trị và nhu cầu các chất dinh dưỡng đối với cơ thể. - Hiểu biết rõ được thành phần, giá trị dinh dưỡng của các nhóm thực phẩm/thức ăn và ứng dụng được vào việc xây dựng khẩu phần dinh dưỡng, - Hiểu biết rõ được được nguyên nhân mất An toàn thực phẩm và giải pháp phòng ngừa. - Hiểu biết rõ được được một số bệnh chính do dinh dưỡng bất hợp lý, thực phẩm không an toàn gây nên.
CLO2	K3 (Áp dụng)	- Áp dụng được kiến thức vào xây dựng khẩu phần ăn hợp lý . - Áp dụng được kiến thức vào việc Xác định được một số nguyên nhân dinh dưỡng bất hợp lý, và ô nhiễm thực phẩm. - Thực hiện được các biện pháp phòng chống các bệnh liên quan đến dinh dưỡng và an toàn thực phẩm.
CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	Vận dụng được kiến thức vào việc phân tích, đánh giá, nghiên cứu được một số vấn đề cơ bản về nhu cầu dinh dưỡng và xây dựng chế độ dinh dưỡng bệnh lý tại bệnh viện
COL4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành	- Xác định được nhu cầu năng lượng từ các giá trị của các chất dinh dưỡng - Xây dựng được chế độ dinh dưỡng và khẩu phần ăn cơ bản

	thạo)	
CLO5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Có tính cầu thị tích cực học tập chuyên cần; đáp ứng được đầy đủ chương trình học phần đáp được chất lượng chuẩn đầu ra
CLO6	A2 (Thái độ hỏi đáp, phản ứng)	Có thái độ học tập tích cực, năng động, trao đổi hỏi đáp để nhận rõ được kiến thức và tầm quan trọng của dinh dưỡng an toàn vệ sinh thực phẩm đối với con người

26. SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG

(Enviromental health)

1. Tên học phần (tiếng Việt): Sức khỏe môi trường	Tên tiếng Anh: Enviromental health
2. Mã học phần:	7XNY013
3. Số tín chỉ: 02	
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Cơ sở khối ngành Y học dự phòng
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết	30 tiết
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	0 tiết
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60 tiết

7. Mô tả tóm tắt học phần

Là học phần chủ yếu, cơ bản của khoa học y học dự phòng và có mối liên quan kiến thức, kỹ năng ứng dụng thực hành quan trọng đối với hầu hết các học phần khác của khối ngành về khoa học Y-Dược

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về môi trường sạch của tự nhiên ảnh hưởng tới đời sống sinh vật và con người; và các kiến thức về ô nhiễm môi trường ảnh hưởng tới sức khỏe và bệnh tật con người. Nắm được kỹ năng và biết cách áp dụng vào thực hành bảo vệ môi trường bệnh viện và các cơ sở y tế để sức khỏe con người

8. Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	- Hiểu biết rõ, đầy đủ được những kiến thức cơ bản về đại cương sức khỏe môi trường; - Hiểu biết rõ, đầy đủ được những kiến thức cơ bản về ảnh hưởng của các loại môi trường tự nhiên và xã hội tới sức khỏe và bệnh tật con người.

		- Hiểu biết rõ, đầy đủ được những kiến thức cơ bản về ô nhiễm môi trường tới sức khỏe và bệnh tật con người.
CLO2	K3 (Áp dụng)	Biết cách áp dụng được các kiến thức về các thông số yếu tố thành phần ô nhiễm môi trường vào việc bảo vệ môi trường, bảo vệ sức khỏe con người
CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	Vận dụng được kiến thức vào việc phân tích, đánh giá, nghiên cứu được các yếu tố, thành phần môi trường sạch và ô nhiễm
COL4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Xử lý, thực hiện được một số biện pháp bảo vệ môi trường Bệnh viện và các cơ sở y tế địa phương .
CLO5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Nhận thức được vị trí vai trò và thực sự cầu thị, học tập tiếp nhận nâng cao kiến thức và trách nhiệm đối với Học phần sức khỏe môi trường để bảo vệ môi trường và sức khỏe con người
CLO6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	Có thái độ học tập tích cực, đáp ứng được đầy đủ chương trình học phần và ứng dụng vào mối liên quan với các học phần khác cùng khối ngành ... Có tinh thần trách nhiệm phản hồi tích cực, tìm hiểu thực tế về thực trạng ô nhiễm môi trường; tuyên truyền vận động cộng đồng chung tay bảo vệ môi trường bảo vệ sức khỏe

27. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TỔ CHỨC Y TẾ

- CHƯƠNG TRÌNH Y TẾ

1. Tên học phần (tiếng Việt): tổ chức y tế - chương trình y tế	Tên tiếng Anh: Heath Organization-Medical programs
2. Mã học phần:	
3. Số tín chỉ:	02
4. Thuộc khối kiến thức	Đại cương
5. Loại học phần	Bắt buộc
6. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết	30 tiết
- Thảo luận, thực hành	
- Đánh giá giữa học phần	01 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	

7. Mô tả tóm tắt học phần (Course Description)

Môn học gồm 2 phần cơ bản:

- Phần 1-Tổ chức và quản lý y tế: cung cấp các kiến thức cơ bản về tổ chức, nhiệm vụ của hệ thống Y tế Việt Nam, về quản lý và quản lý y tế.

- Phần 2- Chương trình Y tế Quốc gia : cung cấp những kiến thức cơ bản về nội dung một số Chương trình Y tế Quốc gia; về quản lý và tổ chức thực hiện các Chương trình Y tế Quốc gia tại các tuyến y tế đặc biệt là y tế tuyến cơ sở.

8. Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần
CLO1 (K)	K2	Nắm được những kiến thức cơ bản về tổ chức hệ thống Y tế Việt Nam, về quản lý và quản lý y tế
CLO2 (S)	S2	Nắm và hiểu được nội dung chủ yếu của một số Chương trình Y tế Quốc gia, biện pháp tổ chức thực hiện các Chương trình Y tế tại các tuyến y tế.
CLO3 (S)	S2	Vận dụng các kiến thức cơ bản của môn học vào giải quyết các vấn đề thực tiễn trong quá trình thực hành nghề nghiệp
COL4 (A)	A2	Phân tích được một số biện pháp tổ chức thực hiện một số Chương trình Y tế trọng điểm đang triển khai
CLO5	A3	Tôn trọng đồng nghiệp, cầu thị, hợp tác làm việc theo nhóm và phối hợp với đồng nghiệp

28. KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM CƠ BẢN

(BASIC TESTING TECHNIQUES)

1. Tên học phần (tiếng Việt): Kỹ thuật xét nghiệm cơ bản	Tên tiếng Anh: Basic testing techniques
2. Mã học phần:	7XNY015
3. Số tín chỉ:	03
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Khối ngành
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30 tiết
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	30 tiết
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60

7. Mô tả tóm tắt học phần

Mô tả tóm tắt nội dung học phần: Học phần KTXNCB bao gồm các kiến thức cơ bản về các xét nghiệm cơ bản trong Huyết học, Hóa sinh y học, miễn dịch học, Vi sinh, ký sinh trùng, Giải phẫu bệnh lý. Các máy móc, dụng cụ trang thiết bị trong phòng thực hành Huyết học, Hóa sinh y học, , miễn dịch ,Vi sinh, ký sinh trùng, Giải phẫu bệnh lý

8. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	Hiểu biết và nắm vững vai trò của các nguyên tắc cơ bản về an toàn phòng thí nghiệm y học
CLO2	K3 (Áp dụng)	Đưa ra được cảnh báo nguy hiểm cho quá trình thao tác trên máy móc trang thiết bị thực hành xét nghiệm
CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	Vận dụng nguyên lý hoạt động của các máy xét nghiệm cơ bản trong phòng thực hành hóa sinh, huyết học, vi sinh, ký sinh trùng, giải phẫu bệnh, để vận hành được các phương tiện
CLO4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Thao tác cơ bản trong các xét nghiệm cơ bản đúng quy trình chuẩn.
CLO5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Nhận thức được môn học Kỹ thuật xét nghiệm cơ bản liên quan đến nhiều vấn đề khác, là cơ sở để triển khai, thực hiện các xét nghiệm có thao tác tương tự nhau
CLO6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	Tôn trọng đồng nghiệp, cầu thị, hợp tác làm việc theo nhóm và phối hợp với đồng nghiệp Lắng nghe và xây dựng mối quan hệ tốt đẹp, giao tiếp với nhân viên y tế, người bệnh, với cộng đồng.

29. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN HÓA SINH

1. Tên học phần (Tiếng Việt): <i>Hóa sinh</i>	Tên tiếng Anh: Biochemistry
2. Mã học phần:	7XN016
3. Số tín chỉ:	03 (2,1)
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Kiến thức ngành
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	30
- Đánh giá giữa học phần	1 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	125

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Hóa sinh là môn cơ sở ngành nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về cấu trúc, vai trò, thoái hóa và sinh tổng hợp của các nhóm hợp chất chủ yếu trong cơ thể, các cơ chế xúc tác sinh học, các cơ chế điều hòa chuyển hóa, liên quan giữa các chuyển hóa, rối loạn chuyển hóa và cơ chế bệnh sinh của một số bệnh do rối loạn chuyển hóa.

Các kiến thức về những quá trình hóa sinh trong cơ thể người là nền tảng cần thiết để có thể hiểu về đặc điểm hóa sinh và sinh lý bệnh của các bệnh thường gặp cũng như đặc tính dược lý và sử dụng của các thuốc trong điều trị. Do vậy, các kiến thức và kỹ năng trong học phần này là cơ sở để sinh viên tiếp tục học các môn học chuyên ngành như bào chế, dược lý, dược lâm sàng, kiểm nghiệm thuốc, dược động học, độc chất học, dược liệu. Các kiến thức và kỹ năng này có thể được áp dụng trong các lĩnh vực sản xuất, đảm bảo chất lượng, kinh doanh, phân phối, hướng dẫn sử dụng thuốc, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm và chế phẩm có nguồn gốc dược liệu, chế phẩm có nguồn gốc sinh học.

8. Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	Hiểu biết và nắm vững vai trò của các cơ quan tổ chức trong cơ thể, hóa sinh hấp thu, chuyển hoá, thải trừ thuốc và các chất dinh dưỡng, sự liên quan giữa thay đổi các chỉ số sinh hoá các chất với bệnh lý mỗi cơ quan tổ chức.
CLO2	K3 (Áp dụng)	Áp dụng kiến thức về sự liên quan giữa thay đổi các chỉ số sinh hoá với bệnh lý mỗi cơ quan tổ chức, đưa ra lời khuyên và cảnh báo bệnh tật cho người bệnh có kết quả xét nghiệm bất thường, thứ tự từng bước thực hiện lời khuyên, bảo đảm an toàn cho người bệnh góp phần nâng cao chất lượng điều trị.
CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	Vận dụng nguyên lý hoạt động của các máy xét nghiệm hóa sinh, thực hiện được xét nghiệm trên máy phân tích hóa sinh bán tự động, tự động, máy phân tích nước tiểu
COL4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Thao tác xét nghiệm đúng quy trình chuẩn, kết quả chính xác, thực hiện được kiểm tra chất lượng xét nghiệm
CLO5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Nhận thức được môn học Sinh hoá liên quan đến nhiều vấn đề khác, xét nghiệm sinh hóa là cơ sở để giải thích các triệu chứng và chẩn đoán theo dõi trong điều trị các bệnh lý cụ thể.
CLO6	A2 (Thái độ hòa đáp, phản ứng)	Tôn trọng đồng nghiệp, cầu thị, hợp tác làm việc theo nhóm và phối hợp với đồng nghiệp Lắng nghe và xây dựng mối quan hệ tốt đẹp, giao tiếp với nhân viên y tế, người bệnh, với cộng đồng.

30. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN HÓA SINH 2

1. Tên học phần (Tiếng Việt): Hóa sinh 2	Tên tiếng Anh: Biochemistry 2
2. Mã học phần:	7XNY017
3. Số tín chỉ:	03 (2,1)
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Kiến thức cơ sở ngành
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	30
- Đánh giá giữa học phần	1 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	125

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Hóa sinh là môn cơ sở ngành nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về cấu trúc, vai trò, thoái hóa và sinh tổng hợp của các nhóm hợp chất chủ yếu trong cơ thể, các cơ chế xúc tác sinh học, các cơ chế điều hòa chuyển hóa, liên quan giữa các chuyển hóa, rối loạn chuyển hóa và cơ chế bệnh sinh của một số bệnh do rối loạn chuyển hóa.

Các kiến thức về những quá trình hóa sinh trong cơ thể người là nền tảng cần thiết để có thể hiểu về đặc điểm hóa sinh và sinh lý bệnh của các bệnh thường gặp cũng như đặc tính dược lý và sử dụng của các thuốc trong điều trị. Do vậy, các kiến thức và kỹ năng trong học phần này là cơ sở để sinh viên tiếp tục học các môn học chuyên ngành như bào chế, dược lý, dược lâm sàng, kiểm nghiệm thuốc, dược động học, độc chất học, dược liệu. Các kiến thức và kỹ năng này có thể được áp dụng trong các lĩnh vực sản xuất, đảm bảo chất lượng, kinh doanh, phân phối, hướng dẫn sử dụng thuốc, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm và chế phẩm có nguồn gốc dược liệu, chế phẩm có nguồn gốc sinh học

8. Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	Hiểu biết và nắm vững vai trò của các cơ quan tổ chức trong cơ thể, hóa sinh hấp thu, chuyển hoá, thải trừ thuốc và các chất dinh dưỡng, sự liên quan giữa thay đổi các chỉ số sinh hoá các chất với bệnh lý mỗi cơ quan tổ chức.
	K3 (Áp dụng)	Áp dụng kiến thức về sự liên quan giữa thay đổi các chỉ số sinh hoá với bệnh lý mỗi cơ quan tổ chức, đưa ra lời khuyên và cảnh báo bệnh

CLO2		tật cho người bệnh có kết quả xét nghiệm bất thường, thứ tự từng bước thực hiện lời khuyên, bảo đảm an toàn cho người bệnh góp phần nâng cao chất lượng điều trị.
CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	Vận dụng nguyên lý hoạt động của các máy xét nghiệm hóa sinh, thực hiện được xét nghiệm trên máy phân tích hóa sinh bán tự động, tự động, máy phân tích nước tiểu
COL4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Thao tác xét nghiệm đúng quy trình chuẩn, kết quả chính xác, thực hiện được kiểm tra chất lượng xét nghiệm
CLO5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Nhận thức được môn học Sinh hoá liên quan đến nhiều vấn đề khác, xét nghiệm sinh hóa là cơ sở để giải thích các triệu chứng và chẩn đoán theo dõi trong điều trị các bệnh lý cụ thể.
CLO6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	Tôn trọng đồng nghiệp, cầu thị, hợp tác làm việc theo nhóm và phối hợp với đồng nghiệp Lắng nghe và xây dựng mối quan hệ tốt đẹp, giao tiếp với nhân viên y tế, người bệnh, với cộng đồng.

31. THỰC HÀNH KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM 1: HÓA SINH (TEST TECHNIQUE PRACTICE 1: BIOCHEMISTRY)

1. Tên học phần (tiếng Việt): Thực hành Kỹ thuật xét nghiệm 1:Hóa sinh	Tên tiếng Anh: Test technique practice 1: biochemistry
2. Mã học phần:	7XNY018
3. Số tín chỉ: 03	
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Khối ngành
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	0 tiết
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	90 tiết
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60
- Học phần song hành:	

7. Mô tả tóm tắt học phần

Cung cấp những kiến thức cơ bản về hóa sinh bao gồm các loại sinh chất chủ yếu của cơ thể sống và chuyển hóa của chúng ở tế bào, xúc tác sinh học, năng lượng sinh học và chuyển hóa năng lượng. Quan sát, thực hiện và hiểu được ý nghĩa kết quả của một số xét nghiệm cơ bản

về hóa sinh lâm sàng. Vận dụng những kiến thức hóa sinh vào việc học tập các học phần khác của ngành xét nghiệm y học.

8. Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	Hiểu biết và nắm vững các nguyên lý cơ bản về các xét nghiệm hóa sinh máu, hóa sinh nước tiểu
CLO2	K3 (Áp dụng)	Viết được Quy trình xét nghiệm hóa sinh máu, hóa sinh nước tiểu áp dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa máu hoặc máy xét nghiệm tổng phân tích nước tiểu cụ thể
CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	Vận dụng nguyên lý hoạt động của các máy xét nghiệm cơ bản trong phòng xét nghiệm thực hành hóa sinh, huyết học, vi sinh, ký sinh trùng, giải phẫu bệnh, để vận hành được các phương tiện
COL4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Thao tác các xét nghiệm cơ bản hóa sinh máu, hóa sinh nước tiểu đúng quy trình chuẩn.
CLO5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Nhận thức được môn học Kỹ thuật xét nghiệm cơ bản liên quan đến nhiều vấn đề khác, là cơ sở để triển khai, thực hiện các xét nghiệm có thao tác tương tự nhau
CLO6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	Tôn trọng đồng nghiệp, cầu thị, hợp tác làm việc theo nhóm và phối hợp với đồng nghiệp Lắng nghe và xây dựng mối quan hệ tốt đẹp, giao tiếp với nhân viên y tế, người bệnh, với cộng đồng.

32. HỌC PHẦN: VI SINH 1

1. Tên học phần (tiếng Việt): vi sinh 1	Tên tiếng Anh: Microbiology 1
2. Mã học phần:	7XNY019
3. Số tín chỉ:	03
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Kiến thức ngành
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	02
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	01
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)

- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60
-----------------------------------	----

7. Mô tả tóm tắt học phần:

- Cung cấp những kiến thức về đặc điểm cơ bản của vi sinh vật như hình dạng, cấu trúc, nuôi trồng/ môi trường nuôi cấy, kháng nguyên và miễn dịch.
- Nắm mối quan hệ của vi sinh vật với môi trường và cơ thể con người để biết khả năng gây bệnh của vi sinh vật.
- Vận dụng những kiến thức đã học tập ở học phần và các học phần liên quan của ngành xét nghiệm y học để nắm được nguyên tắc cơ bản về các phương pháp chẩn đoán và phòng bệnh do vi sinh vật gây nên.
- Nắm được kiến thức, kỹ năng học phần đã học để giúp sinh viên hình thành và rèn luyện tác phong nghiêm túc, thận trọng, chính xác, khoa học trong thực hành, hình thành kỹ năng sử dụng công nghệ y học và tin học hiệu quả, thích hợp.

8. Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	Hiểu các kiến thức về đại cương vi sinh vật, vi khuẩn gây bệnh thường gặp, các lý thuyết thực hành.
CLO2	K3 (Áp dụng)	- Trình bày được/ Mô tả và nhận biết các loại vi sinh vật gây bệnh - Trình bày/ Nhận biết được các phương pháp xét nghiệm, chẩn đoán và bệnh pháp phòng bệnh do vi sinh vật y học
CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	- Thực hiện được các phương pháp cơ bản để chẩn đoán và nắm kỹ thuật xét nghiệm các bệnh do các bệnh vi sinh vật gây bệnh.
CLO4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Vận dụng thành thạo các phương pháp kỹ thuật xét nghiệm trong chẩn đoán bệnh do vi sinh vật gây bệnh
CLO5	A1(Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Tích cực nghe giảng trên lớp, thảo luận, tham gia đầy đủ các hoạt động ngoại khóa.
CLO6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	Suy nghĩ độc lập, chủ động có ý kiến hồi đáp, xem xét, dẫn chứng, lý giải, minh họa... trong thảo luận

33. HỌC PHẦN: VI SINH 1I

1. Tên học phần (tiếng Việt): vi sinh 1i	Tên tiếng Anh: Microbiology 2
2. Mã học phần:	7XNY020

3. Số tín chỉ:	02
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Khối kiến thức ngành
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết	01
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	01
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 2 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	45

7. Mô tả tóm tắt học phần:

- Cung cấp những kiến thức về đặc điểm cơ bản của vi sinh vật như hình dạng, cấu trúc, nuôi trồng/ môi trường nuôi cấy, kháng nguyên và miễn dịch.
- Nắm mối quan hệ của vi sinh vật với môi trường và cơ thể con người để biết khả năng gây bệnh của vi sinh vật.
- Vận dụng những kiến thức đã học tập ở học phần và các học phần liên quan của ngành xét nghiệm y học để nắm được nguyên tắc cơ bản về các phương pháp chẩn đoán và phòng bệnh do vi sinh vật gây nên.
- Nắm được kiến thức, kỹ năng học phần đã học để giúp sinh viên hình thành và rèn luyện tác phong nghiêm túc, thận trọng, chính xác, khoa học trong thực hành, hình thành kỹ năng sử dụng công nghệ y học và tin học hiệu quả, thích hợp.

8. Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần
CLO1	OK2 (Hiểu kiến thức)	Phần 1: Đại cương virus - Đại cương về vi rus y học - Các phương pháp chẩn đoán virus Phần 2: Một số vi rus gây bệnh thường gặp - Vius cúm (Influenza virus) - Vius sởi (Meaeles virus) - Virus viêm não Nhật bản (Japanese Encephalitis) - Virus Bại liệt Virus Bại liệt (<i>Polio virus</i>) - Virus Đại (<i>Rabies virus</i>) - Các virus Viêm gan (<i>Hepatitis viruses</i>) - virus HIV (<i>Human immunodeficiency</i>) - <i>Herpes virus</i>

		- <i>Dengue virus</i> - <i>Rota virus</i> - <i>Rubella virus</i> - Cây phân, cây máu, cây tiểu, cây đờm, cây dịch phế quản - Cây dịch não tủy, các chất dịch khác và cây mũi - Cây dịch tiết sinh dục
		Phần 3: Các phản ứng huyết thanh chẩn đoán virus - <i>Vibrio cholera</i> - <i>Streptococcus pyogenes</i> - <i>Treponema pallidum</i> - <i>Hemophilus influenzae</i> - <i>Acinetobacter baumannii</i> - <i>Burkholderia pseudomallei</i> - HIV - Chẩn đoán virus gây bệnh viêm gan (HBV, HCV) - <i>Dengue virus</i>; <i>Rota virus</i> - <i>Influenza virus</i>
CLO2	K3 (Áp dụng)	- Mô tả được tế bào vi rus gây bệnh - Nắm được các phương pháp xét nghiệm, chẩn đoán và bệnh pháp phòng một số bệnh do nhiễm virus thường gặp.
CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	- Làm được một số kỹ thuật vô khuẩn và khử khuẩn virus thông thường - Cách lấy mẫu, bảo quản, vận chuyển bệnh phẩm và kỹ thuật xét nghiệm cơ bản để chẩn đoán virus
COL4	S3 (Kỹ năng vận thành thạo)	Thành thạo các phương pháp kỹ thuật xét nghiệm chẩn đoán một số bệnh virus thường gặp
CLO5	A1(Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Tích cực nghe giảng trên lớp, thảo luận, tham gia đầy đủ các hoạt động ngoại khóa.
	A2 (Thái độ hồi	Suy nghĩ độc lập, chủ động có ý kiến hỏi đáp, xem xét,

CLO6	đáp, phản ứng)	dẫn chứng, lý giải, minh họa... trong thảo luận
------	----------------	---

34. HỌC PHẦN: KÝ SINH TRÙNG 1

1. Tên học phần (tiếng Việt): ký sinh trùng 1	Tên tiếng Anh: Parasitology 1
2. Mã học phần:	7XNY021
3. Số tín chỉ: 03	
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Khối kiến thức ngành (Bắt buộc)
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	02
- Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	01
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(01 giờ thi, 04 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về đặc điểm sinh học, hình thể, cấu tạo, đặc điểm sinh lý, sinh thái và chu kỳ phát triển của một số loại ký sinh trùng y học gây bệnh và truyền bệnh cho người hay gặp ở Việt Nam. Đặc điểm dịch tễ học, bệnh học và tác hại do ký sinh trùng gây nên. Mối liên quan giữa ký sinh trùng và sức khỏe cộng đồng. Nguyên tắc và biện pháp phòng chống bệnh ký sinh trùng. Quan sát, thực hiện được một số phương pháp xét nghiệm chuẩn đoán ký sinh trùng và vận dụng những kiến thức hiểu biết về bệnh ký sinh trùng y học vào các học phần khác của ngành xét nghiệm y học. Trên cơ sở các nội dung trên, sẽ giúp sinh viên rèn luyện tác phong nghiêm túc, thận trọng, chính xác, khoa học trong thực hành để hình thành kỹ năng sử dụng công nghệ Y học hiệu quả và thích hợp

8. Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần
CLO1	OK2 (Hiểu kiến thức)	Chương 1: - Đại cương về ký sinh trùng y học - Đại cương về giun tròn ký sinh y học (Giun đũa, giun móc/ giun mỏ, giun tóc, giun kim, giun lươn, giun xoắn, giun chỉ bạch huyết) Chương 2: Đại cương về sán lá - Sán lá gan nhỏ, sán lá gan lớn - Sán lá ruột, sán lá phổi Chương 3: Đại cương về sán dây: - Sán dây lợn

		- Sán dây bò
CLO2	K3 (Áp dụng)	- Trình bày được/ Mô tả và nhận biết các loại ký sinh trùng y học gây bệnh - Trình bày/ Nhận biết được các phương pháp xét nghiệm, chẩn đoán và bệnh pháp phòng bệnh do ký sinh trùng y học
CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	- Thực hiện được các phương pháp cơ bản để chẩn đoán và nắm kỹ thuật xét nghiệm các bệnh do ký sinh trùng y học gây bệnh. - Thực hiện/ mô tả được các phương pháp quan sát các loại vật chủ trung gian của ký sinh trùng y học gây bệnh và biện pháp phòng bệnh
COL4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Vận dụng thành thạo các phương pháp kỹ thuật xét nghiệm trong chẩn đoán bệnh do ký sinh trùng y học
CLO5	A1(Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Tích cực nghe giảng trên lớp, thảo luận, tham gia đầy đủ các hoạt động ngoại khóa.
CLO6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	Suy nghĩ độc lập, chủ động có ý kiến hồi đáp, xem xét, dẫn chứng, lý giải, minh họa... trong thảo luận, nghiên cứu

35. HỌC PHẦN: KÝ SINH TRÙNG 2

1. Tên học phần (tiếng Việt): Ký sinh trùng 2	Tên tiếng Anh: Parasitology 2
2. Mã học phần:	7XNY022
3. Số tín chỉ: 02	
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Khối kiến thức ngành (Bắt buộc)
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	01
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	01
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(01 giờ thi, 04 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	45

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về đặc điểm sinh học, hình thể, cấu tạo, đặc điểm sinh lý, sinh thái và chu kỳ phát triển của một số loại ký sinh trùng y học gây bệnh và truyền bệnh cho người hay gặp ở Việt Nam. Đặc điểm dịch tễ học, bệnh học và tác hại do ký sinh

trùng gây nên. Mối liên quan giữa ký sinh trùng và sức khỏe cộng đồng. Nguyên tắc và biện pháp phòng chống bệnh ký sinh trùng. Quan sát, thực hiện được một số phương pháp xét nghiệm chuẩn đoán ký sinh trùng và vận dụng những kiến thức hiểu biết về bệnh ký sinh trùng y học vào các học phần khác của ngành xét nghiệm y học. Trên cơ sở các nội dung trên, sẽ giúp sinh viên rèn luyện tác phong nghiêm túc, thận trọng, chính xác, khoa học trong thực hành để hình thành kỹ năng sử dụng công nghệ Y học hiệu quả và thích hợp

9. Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần
CLO1	OK2 (Hiểu kiến thức)	Chương 1: Đại cương về đơn bào y học: - Amip, Trùng lông/ trùng roi, - Ký sinh trùng sốt rét Chương 2: Đại cương về nấm ký sinh y học - Nấm ngoài da/ Vi nấm ngoại biên - Nấm nội tạng thường gặp: nấm <i>Candida</i>, nấm <i>Aspergillus</i>, nấm <i>Cryptococcus</i> Chương 3: Đại cương về tiết túc y học: - Đại cương tiết túc lớp nhện y học - Đại cương tiết túc lớp côn trùng y học
CLO2	K3 (Áp dụng)	- Trình bày được/ Mô tả và nhận biết các loại đơn bào và nấm ký sinh y học gây bệnh - Nhận biết các loại tiết túc (lớp nhện, lớp côn trùng y học) gây bệnh - Trình bày được các phương pháp xét nghiệm, chẩn đoán và phòng bệnh - Phân biệt được bệnh do côn trùng gây truyền bệnh cho người và cách phòng bệnh
CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	- Thực hiện được các phương pháp cơ bản để chẩn đoán và nấm ký sinh y học gây bệnh. - Thực hiện/ mô tả được các phương pháp quan sát các loại ký chủ trung gian của các loại đơn bào, vi nấm y học gây bệnh

		- Nhận biết được một số loại tiết túc (lớp nhện, lớp côn trùng) y học hay gây truyền bệnh
COL4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Vận dụng thành thạo các phương pháp kỹ thuật xét nghiệm trong chẩn đoán bệnh do đơn bào, vi nấm y học
CLO5	A1(Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Tích cực nghe giảng trên lớp, thảo luận, tham gia đầy đủ các hoạt động ngoại khóa.
CLO6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	Suy nghĩ độc lập, chủ động có ý kiến hồi đáp, xem xét, dẫn chứng, lý giải, minh họa... trong thảo luận, nghiên cứu

35. HỌC PHẦN: KÝ SINH TRÙNG 2

1. Tên học phần (tiếng Việt): Ký sinh trùng 2	Tên tiếng Anh: Parasitology 2
2. Mã học phần:	7XNY022
3. Số tín chỉ: 02	
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Khối kiến thức ngành (Bắt buộc)
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	01
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	01
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(01 giờ thi, 04 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	45

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về đặc điểm sinh học, hình thể, cấu tạo, đặc điểm sinh lý, sinh thái và chu kỳ phát triển của một số loại ký sinh trùng y học gây bệnh và truyền bệnh cho người hay gặp ở Việt Nam. Đặc điểm dịch tễ học, bệnh học và tác hại do ký sinh trùng gây nên. Mối liên quan giữa ký sinh trùng và sức khỏe cộng đồng. Nguyên tắc và biện pháp phòng chống bệnh ký sinh trùng. Quan sát, thực hiện được một số phương pháp xét nghiệm chuẩn đoán ký sinh trùng và vận dụng những kiến thức hiểu biết về bệnh ký sinh trùng y học vào các học phần khác của ngành xét nghiệm y học. Trên cơ sở các nội dung trên, sẽ giúp sinh viên rèn luyện tác phong nghiêm túc, thận trọng, chính xác, khoa học trong thực hành để hình thành kỹ năng sử dụng công nghệ Y học hiệu quả và thích hợp

8. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CĐR học phần
---------------------	------------------------------------	---------------------------

CLO1	OK2 (Hiểu kiến thức)	Chương 1: Đại cương về đơn bào y học: - Amip, Trùng lông/ trùng roi, - Ký sinh trùng sốt rét Chương 2: Đại cương về nấm ký sinh y học - Nấm ngoài da/ Vi nấm ngoại biên - Nấm nội tạng thường gặp: nấm <i>Candida</i>, nấm <i>Aspergillus</i>, nấm <i>Cryptococcus</i> Chương 3: Đại cương về tiết túc y học: - Đại cương tiết túc lớp nhện y học - Đại cương tiết túc lớp côn trùng y học
CLO2	K3 (Áp dụng)	- Trình bày được/ Mô tả và nhận biết các loại đơn bào và nấm ký sinh y học gây bệnh - Nhận biết các loại tiết túc (lớp nhện, lớp côn trùng y học) gây bệnh - Trình bày được các phương pháp xét nghiệm, chẩn đoán và phòng bệnh - Phân biệt được bệnh do côn trùng gây truyền bệnh cho người và cách phòng bệnh
CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	- Thực hiện được các phương pháp cơ bản để chẩn đoán và nấm ký sinh y học gây bệnh. - Thực hiện/ mô tả được các phương pháp quan sát các loại ký chủ trung gian của các loại đơn bào, vi nấm y học gây bệnh - Nhận biết được một số loại tiết túc (lớp nhện, lớp côn trùng) y học hay gây truyền bệnh
COL4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Vận dụng thành thạo các phương pháp kỹ thuật xét nghiệm trong chẩn đoán bệnh do đơn bào, vi nấm y học
CLO5	A1(Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Tích cực nghe giảng trên lớp, thảo luận, tham gia đầy đủ các hoạt động ngoại khóa.
CLO6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	Suy nghĩ độc lập, chủ động có ý kiến hồi đáp, xem xét, dẫn chứng, lý giải, minh họa... trong thảo luận, nghiên cứu

36. HỌC PHẦN: THỰC HÀNH KTXN2 VI SINH – KÝ SINH TRÙNG

1. Tên học phần (tiếng Việt): Thực hành KTXN2: Vi sinh-ký sinh trùng	Tên tiếng Anh: Test technique practice 2: Micro -Parasitology
2. Mã học phần:	7VKS036
3. Số tín chỉ: 03	
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Khối kiến thức ngành
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	0
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	03
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 2 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90

7. Mô tả tóm tắt học phần:

- Cung cấp những kiến thức cơ bản về đặc điểm của vi sinh vật, ký sinh trùng y học (hình thể, cấu trúc, nuôi trồng/ môi trường nuôi cấy, kháng nguyên và miễn dịch.
- Nắm mối quan hệ của vi sinh vật, ký sinh trùng y học với môi trường và cơ thể con người để biết khả năng gây bệnh của vi sinh vật và ký sinh trùng y học thường gặp..
- Vận dụng những kiến thức đã học tập ở học phần và các học phần liên quan của ngành xét nghiệm y học để nắm được nguyên tắc cơ bản về các phương pháp chẩn đoán và phòng bệnh do vi sinh vật và ký sinh trùng gây nên.
- Nắm được kiến thức, kỹ năng học phần đã học để giúp sinh viên hình thành và rèn luyện tác phong nghiêm túc, thận trọng, chính xác, khoa học trong thực hành, hình thành kỹ năng sử dụng công nghệ y học và tin học hiệu quả, thích hợp.

8.Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần
CLO 1	OK2 (Hiểu kiến thức)	1. Thực tập phần Vi sinh: - Giao tiếp bệnh nhân, ghi phiếu xét nghiệm, sổ sách, tiếp nhận, bảo quản bệnh phẩm và quan sát sử dụng bảo quản máy móc. - Kỹ thuật lấy bệnh phẩm xét nghiệm - Kỹ thuật pha chế môi trường nuôi cấy vi khuẩn - Kỹ thuật nhuộm gram - Kỹ thuật làm kháng sinh đồ

		- Kỹ thuật làm nhuộm và nuôi cấy chẩn đoán các bệnh nấm gây bệnh - Kỹ thuật nhuộm Zichlneelsen chẩn đoán VK lao - Kỹ thuật chẩn đoán một số vi khuẩn gram (+). - Kỹ thuật chẩn đoán một số vi khuẩn gram (-) - Kỹ thuật chẩn đoán một số vi khuẩn đường tiêu hóa thường gặp. - Cách ghi kết quả xét nghiệm
CLO 1	K2 (Hiểu kiến thức)	2. Thực tập Ký sinh trùng: - Kỹ thuật lấy bệnh phẩm xét nghiệm - Kỹ thuật xét nghiệm phân bằng phương pháp trực tiếp và phương pháp tìm trứng giun, sán - Kỹ thuật xét nghiệm phân, dịch âm đạo tìm đơn bào gây bệnh - Kỹ thuật làm tiêu bản và xét nghiệm chẩn đoán các bệnh vẩy nến bằng phương pháp trực tiếp - Kỹ thuật làm tiêu bản nhuộm giem sa và chẩn đoán bệnh giun chỉ bằng xét nghiệm máu - Kỹ thuật xét nghiệm bằng phương pháp kato và kato - Katz - Kỹ thuật xét nghiệm phân tìm trứng giun sán, đơn bào đường tiêu hóa bằng phương pháp phong phú trực tiếp - Kỹ thuật xét nghiệm dịch đường sinh dục tìm nấm và đơn bào gây bệnh
CLO2	K3 (Áp dụng)	- Mô tả được tế bào vi khuẩn, virus và ký sinh trùng y học gây bệnh - Trình bày được đặc điểm sinh lý, sinh hóa và di truyền tế bào vi sinh vật. - Mô tả được đặc điểm cấu tạo về hình thể, chu kỳ và tác hại một số ký sinh trùng, vi nấm y học - Nắm được các phương pháp xét nghiệm, chẩn đoán và bệnh pháp phòng một số bệnh do nhiễm vi khuẩn, virus và ký sinh trùng ký sinh y học gây nên thường gặp.
CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	- Thực hiện được một số kỹ thuật vô khuẩn và khử khuẩn do vi khuẩn, virus và ký sinh trùng ký sinh gây bệnh thường gặp

		- Cách lấy mẫu, bảo quản, vận chuyển bệnh phẩm và các phương pháp kỹ thuật xét nghiệm cơ bản để chẩn đoán vi khuẩn, virus và ký sinh trùng ký sinh y học gây bệnh
COL4	S3 (Kỹ năng vận thành thạo)	Thành thạo các phương pháp kỹ thuật xét nghiệm chẩn đoán một số bệnh vi khuẩn, virus và ký sinh trùng ký sinh gây bệnh thường gặp
CLO5	A1 Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Chú ý tham gia tích cực và nghe giảng trên lớp, thảo luận, tham gia đầy đủ các hoạt động ngoại khóa.
CLO6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	Suy nghĩ độc lập, chủ động có ý kiến hồi đáp, xem xét, dẫn chứng, lý giải, minh họa... trong thảo luận

37. HUYẾT HỌC TẾ BÀO 1

(CELL HEMATOLOGY 1)

1. Tên học phần (tiếng Việt): Huyết học tế bào 1	Tên tiếng Anh: Cell Hematology 1
2. Mã học phần:	7XNY024
3. Số tín chỉ: 03	
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Cơ sở khối ngành
5. Loại học phần:	Chọn
6. Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết	30 tiết
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	30 tiết
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60

7. Mô tả tóm tắt học phần

Khái quát các kiến thức sinh học cơ bản về máu với chức năng sinh lý, hình thái của các loại tế bào máu, giúp sinh viên nhận định được các tế bào máu qua kính hiển vi.

8. Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	+ Trình bày được cấu tạo hình thái của các dòng tế bào máu Nêu được các đặc điểm của giai đoạn sinh máu
CLO2	K3 (Áp dụng)	+ Trình bày được đặc điểm chi tiết về nhân và tế bào chất của các giai đoạn biệt hóa dòng hồng cầu, bạch cầu và tiểu cầu

CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	+ Trình bày được đặc điểm, đặc tính của các yếu tố tham gia vào quá trình sinh tạo máu
COL4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	+ Mô tả được quá trình chuyển hóa sắt, cây trúc huyết sắc tố
CLO5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Nhận thức được tầm quan trọng của các kháng nguyên trên bề mặt tế bào hồng cầu, bạch cầu và tiểu cầu
CLO6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	Có tinh thần trách nhiệm; tìm hiểu sâu sắc về các vấn đề có liên quan tới nội dung học tập và sẵn sàng tìm kiếm kiến, lĩnh hội kiến thức mới

38. HUYẾT HỌC TẾ BÀO 2

(CELL HEMATOLOGY 2)

1. Tên học phần (tiếng Việt): Huyết học tế bào 2	Tên tiếng Anh: Cell Hematology 2
2. Mã học phần:	7XNY25
3. Số tín chỉ: 03	
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Cơ sở khối ngành
5. Loại học phần:	Chọn
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30 tiết
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	30 tiết
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60

7. Mô tả tóm tắt học phần

Cung cấp cho sinh viên các kỹ thuật xét nghiệm tế bào máu, một số chỉ số bình thường của tế bào máu ngoại vi giúp sinh viên thực hiện đúng quy trình kỹ thuật xét nghiệm về tế bào trên kính hiển vi và máy đếm tế bào tự động

8. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	+ Trình bày được cấu tạo hình thái của các dòng tế bào máu và cơ quan sinh máu trong một số bệnh lý
CLO2	K3 (Áp dụng)	+ Trình bày được kỹ thuật xét nghiệm đếm hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu bằng kính hiển vi quang học

CLO3	S2 (Kỹ năng vận dụng)	+ Trình bày được đặc điểm, đặc tính của các chỉ số tế bào máu bình thường và bất thường
COL4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	+ Mô tả được kỹ thuật xét nghiệm lập công thức bạch cầu máu ngoại vi
CLO5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Nhận thức được tầm quan trọng của các xét nghiệm công thức máu, huyết đồ, tủy đồ, máu lắng, định lượng hematocrit, hồng cầu lưới
CLO6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	Có tinh thần trách nhiệm; tìm hiểu sâu sắc về các vấn đề có liên quan tới nội dung học tập và sẵn sàng tìm kiếm kiến, lĩnh hội kiến thức mới

39. HUYẾT HỌC ĐÔNG MÁU 1

(COAGULATION HEMATOLOGY)

1. Tên học phần (tiếng Việt): Huyết học đông máu 1	Tên tiếng Anh: Coagulation Hematology 1
2. Mã học phần:	7XNY026
3. Số tín chỉ:	03
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Cơ sở khối ngành
5. Loại học phần:	Chọn
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30 tiết
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	30 tiết
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60

7. Mô tả tóm tắt học phần

- Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về cấu trúc chức năng sinh lý của tế bào tiểu cầu và các yếu tố thành mạch, huyết tương tham gia quá trình đông cầm máu
- Giới thiệu một số rối loạn đông máu di truyền và mắc phải, từ đó sinh viên được thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm khảo sát hoặc xác định sự toàn vẹn của thành mạch, dự phòng chảy máu và cầm máu.

8. Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	+ Trình bày được cấu tạo chức năng của tiểu cầu, các yếu tố đông máu + Phân biệt được huyết thanh và huyết tương

CLO2	K3 (Áp dụng)	+ Trình bày được đặc điểm và các bước tiến hành của xét nghiệm thời gian máu đông, thời gian máu chảy và co cục máu
CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	+ Trình bày được quy trình và ý nghĩa của các xét nghiệm PT, APTT, TT và Fibrinogen
COL4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	+ Đánh giá một số kết quả xét nghiệm đông máu bất thường và một số rối loạn đông máu di truyền hoặc mắc phải
CLO5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Nhận thức được vai trò của các thuốc và chất chống đông. Tìm hiểu thêm về một số dòng máy xét nghiệm đông máu tự động
CLO6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	Có tinh thần trách nhiệm; tìm hiểu sâu sắc về các vấn đề có liên quan tới nội dung học tập và sẵn sàng tìm kiếm kiến, lĩnh hội kiến thức mới

40. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU (CELL HEMATOLOGY 2)

1. Tên học phần (tiếng Việt): Huyết học truyền máu 2	Tên tiếng Anh: Blood Transfusion 2
2. Mã học phần:	7XNY027
3. Số tín chỉ: 03	
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Cơ sở khối ngành
5. Loại học phần:	Chọn
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30 tiết
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60

7. Mô tả tóm tắt học phần

- Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về miễn dịch trong huyết học-truyền máu, cách sử dụng máu và các chế phẩm của máu, giúp sinh viên thực hiện tốt thao tác kỹ thuật xét nghiệm trong truyền máu.

- Học phần nêu ra ý nghĩa kết quả, giá trị của công tác quản lý, đảm bảo chất lượng an toàn trong quá trình truyền máu..

9. Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần
--------------	-----------------------------	--------------------

CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	+ Trình bày được quy trình vận động hiến máu nhân đạo và các biện pháp đảm bảo an toàn truyền máu trong quy trình
CLO2	K3 (Áp dụng)	+ Trình bày được quy trình tuyển chọn và quản lý người cho máu, các xét nghiệm nhóm máu, hòa hợp, Coombs, hiệu giá kháng thể, sàng lọc và định danh KTBT
CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	+ Trình bày được kỹ thuật thu gom máu và chăm sóc người cho máu
CLO4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	+ Mô tả được các virus lây truyền qua đường truyền máu và các kỹ thuật xét nghiệm sàng lọc virus
CLO5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Nhận thức được tầm quan trọng của các xét nghiệm nhóm máu, xét nghiệm hòa hợp nhóm máu, xét nghiệm Coombs trực tiếp, gián tiếp và các kỹ thuật liên quan tới chế phẩm máu
CLO6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	Có tinh thần trách nhiệm; tìm hiểu sâu sắc về các vấn đề có liên quan tới nội dung học tập và sẵn sàng tìm kiếm kiến, lĩnh hội kiến thức mới

41. THỰC TẬP KTXN 3: Huyết học

(Practice test technique 3: Hematology)

1. Tên học phần (tiếng Việt): Thực tập KTXN 3: Huyết học	Tên tiếng Anh: Practice test technique 3: Hematology
2. Mã học phần:	7XNY028
3. Số tín chỉ: 03	
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Cơ sở khối ngành
5. Loại học phần:	Chọn
6. Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết	
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	90 tiết
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	

7. Mô tả tóm tắt học phần

- Sinh viên đã hiểu được nguyên lý sinh học của các kỹ thuật xét nghiệm.
- Trình bày được các bước kỹ thuật của từng loại xét nghiệm.

8. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CĐR học phần
--------------	-----------------------------	--------------------

CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	Chuẩn bị được đầy đủ dụng cụ, hóa chất làm xét nghiệm
CLO2	K3 (Áp dụng)	Lấy được bệnh phẩm xét nghiệm cho các xét nghiệm huyết học tế bào, đông máu và truyền máu
CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	Làm được một số xét nghiệm cơ bản và chuyên sâu dành cho xét nghiệm tế bào, đông máu và truyền máu
CLO4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Thực hành và hiểu được nguyên lý của các trang thiết bị xét nghiệm, máy móc xét nghiệm tự động, thủ công
CLO5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Nhận định được một số kết quả xét nghiệm
CLO6	A2 (Thái độ hỏi đáp, phản ứng)	Có tinh thần trách nhiệm; tìm hiểu sâu sắc về các vấn đề có liên quan tới nội dung học tập và sẵn sàng tìm kiếm kiến, lĩnh hội kiến thức mới

42. HỌC PHẦN: XÉT NGHIỆM TẾ BÀO 1

1. Tên học phần (tiếng Việt): Xét nghiệm tế bào 1	Tên tiếng Anh: Cells testing 1
2. Mã học phần:	7XNY029
3. Số tín chỉ: 03	
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Kiến thức ngành
5. Loại học phần:	Chọn
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	30
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản về xét nghiệm tế bào học, trang bị cho sinh viên những kiến thức về biến đổi hình thái học và tổ chức mô trong bệnh lý. Từ đó sinh viên có thể hiểu và thực hành được các kỹ thuật xét nghiệm tế bào cơ bản, biết nhận định kết quả tế bào học trong một số bệnh lý.

10. Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần
CLO1	OK2 (Hiểu kiến thức)	Nắm được vai trò và ý nghĩa của kỹ thuật hình thái học trong chẩn đoán tổn thương mô và tế bào, hiểu được đặc điểm của các xét nghiệm tế bào học trong một số bệnh thường gặp.
CLO2	K3 (Áp dụng)	Áp dụng những kỹ thuật chẩn đoán vào công tác xét nghiệm và chẩn đoán bệnh
CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	Vận dụng kiến thức đã học vào chẩn đoán và nhận diện về biến đổi hình thái xét nghiệm tế bào.
COL4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Biết nhận định và đánh giá kết quả xét nghiệm tế bào và vận dụng vào trong chẩn đoán bệnh lý.
CLO5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Tích cực nghe giảng trên lớp, thảo luận, tham gia đầy đủ các hoạt động ngoại khóa. Chủ động tiếp nhận thông tin và tư vấn cho người bệnh
CLO6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	Xây dựng tính độc lập, chủ động có ý kiến hồi đáp, xem xét, dẫn chứng, lý giải, minh họa... trong thảo luận, học tập, nghiên cứu.

43. HỌC PHẦN: XÉT NGHIỆM TẾ BÀO 2

(Cells testing 2)

1. Tên học phần (tiếng Việt): Xét nghiệm tế bào 2	Tên tiếng Anh: Cells testing 2
2. Mã học phần:	7XNY030
3. Số tín chỉ: 03	
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Kiến thức ngành
5. Loại học phần:	Chọn
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	30
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)

- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60
-----------------------------------	----

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về biến đổi hình thái học và tổ chức mô trong bệnh lý, những kỹ thuật cơ bản lấy, xử lý bệnh phẩm làm tiêu bản xét nghiệm giải phẫu bệnh. Giới thiệu tổ chức và trang thiết bị trong phòng xét nghiệm giải phẫu bệnh. Từ đó sinh viên có thể hiểu và thực hành được các kỹ thuật xét nghiệm tế bào cơ bản, biết nhận định kết quả tế bào học trong một số bệnh lý.

8. Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần
CLO1	OK2 (Hiểu kiến thức)	Trình bày được cách tổ chức và các trang thiết bị trong phòng xét nghiệm giải phẫu bệnh lý
CLO2	K3 (Áp dụng)	Trình bày được nguyên lý, kỹ thuật cơ bản cách lấy, xử lý bệnh phẩm và các phương pháp nhuộm tiêu bản xét nghiệm giải phẫu bệnh
CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	Vận dụng kiến thức áp dụng trong xét nghiệm lâm sàng
CLO4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Biết nhận định và đánh giá kết quả xét nghiệm tế bào và vận dụng vào trong chẩn đoán bệnh lý.
CLO5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Tích cực nghe giảng trên lớp, thảo luận, tham gia đầy đủ các hoạt động ngoại khóa. Chủ động tiếp nhận thông tin và tư vấn cho người bệnh
CLO6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	Xây dựng tính độc lập, chủ động có ý kiến hồi đáp, xem xét, dẫn chứng, lý giải, minh họa... trong thảo luận, học tập, nghiên cứu.

44. HỌC PHẦN: TH KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM 4 GIẢI PHẪU BỆNH

(Test technique practice 4: Pathology)

1. Tên học phần (tiếng Việt): Thực hành kỹ thuật xét nghiệm 4 giải phẫu bệnh	Tên tiếng Anh: Test technique practice 4: Pathology
2. Mã học phần:	7XNY031
3. Số tín chỉ: 03	03
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Kiến thức ngành
5. Loại học phần:	Chọn
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	0

-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	90
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(2 giờ thi, 4 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Thực hành KTXN4 Giải phẫu bệnh nằm trong khối kiến thức ngành nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về qui trình lấy và chuyển bệnh phẩm làm các xét nghiệm giải phẫu bệnh, thực hiện xét nghiệm cơ bản về sinh thiết tế bào học, giải phẫu bệnh vi thể, cũng như các xét nghiệm mô tả các hình ảnh tổn thương giải phẫu bệnh, các hình ảnh đại thể, vi thể của tổ chức mô lành tính, tăng sản hoặc ác tính. Từ đó sinh viên biết mô tả, nhận diện kết quả các xét nghiệm giải phẫu bệnh.

8. Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần
CLO1	OK2 (Hiểu kiến thức)	Hiểu được các bước lấy bệnh phẩm, và chuyển bệnh phẩm làm các xét nghiệm giải phẫu bệnh. Áp dụng vào trong xét nghiệm giải phẫu bệnh
CLO2	K3 (Áp dụng)	Thực hiện xét nghiệm cơ bản về sinh thiết tế bào học, giải phẫu bệnh vi thể, cũng như các xét nghiệm mô tả các hình ảnh tổn thương giải phẫu bệnh, các hình ảnh đại thể, vi thể của tổ chức mô tả được các hình ảnh tổn thương,
CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	Vận dụng các kỹ năng đã học vận dụng trong công tác xét nghiệm giải phẫu bệnh. Phân tích được kết quả giải phẫu bệnh lý một số bệnh thông thường.
COL4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Thành thạo các bước theo quy trình xét nghiệm bệnh phẩm, vận dụng trong chẩn đoán bệnh.
CLO5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Tích cực nghe giảng trên lớp, thảo luận, tham gia đầy đủ các hoạt động ngoại khóa. Chịu trách nhiệm trước những kết quả đã làm..
CLO6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	Xây dựng tính độc lập, chủ động có ý kiến hồi đáp, xem xét, dẫn chứng, lý giải, minh họa... trong thảo luận, học tập, nghiên cứu

45. KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN BỆNH VIỆN

(Hospital infection control)

1. Tên học phần (tiếng Việt): Kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện	Tên tiếng Anh: Hospital infection control
--	--

2. Mã học phần:	7XNY032
3. Số tín chỉ: 03	
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Khối ngành
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết	30 tiết
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	0 tiết
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	70

7. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần này là một trong những học phần quan trọng, nội dung gồm các khái niệm về nhiễm trùng bệnh viện và các kỹ năng công tác phòng chống nhiễm trùng tại bệnh viện, kỹ năng thực hiện nội vệ sinh khoa phòng và biện pháp khử trùng – tiệt trùng trong bệnh viện. Qua đây, sinh viên sẽ có khả năng tham gia phòng chống nhiễm khuẩn cho bản thân và cho cộng đồng.

8.Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	Hiểu biết và nắm vững các nguyên lý cơ bản về các xét nghiệm hóa sinh máu, hóa sinh nước tiểu
CLO2	K3 (Áp dụng)	Viết được Quy trình xét nghiệm hóa sinh máu, hóa sinh nước tiểu áp dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa máu hoặc máy xét nghiệm tổng phân tích nước tiểu cụ thể
CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	Vận dụng nguyên lý hoạt động của các máy xét nghiệm cơ bản trong phòng xét nghiệm thực hành hóa sinh, huyết học, vi sinh, ký sinh trùng, giải phẫu bệnh, để vận hành được các phương tiện
CLO4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Thao tác các xét nghiệm cơ bản hóa sinh máu, hóa sinh nước tiểu đúng quy trình chuẩn.
CLO5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Nhận thức được môn học Kỹ thuật xét nghiệm cơ bản liên quan đến nhiều vấn đề khác, là cơ sở để triển khai, thực hiện các xét nghiệm có thao tác tương tự nhau
CLO6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	Tôn trọng đồng nghiệp, cầu thị, hợp tác làm việc theo nhóm và phối hợp với đồng nghiệp Lắng nghe và xây dựng mối quan hệ tốt đẹp, giao tiếp với nhân viên y tế, người bệnh, với cộng đồng.

46. THỰC TẬP VỀ PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ PHÒNG XÉT NGHIỆM TẠI BỆNH VIỆN

(Practice on how to organize and manage laboratories at the hospital)

1. Tên học phần (tiếng Việt): Thực tập về phương pháp tổ chức và quản lý phòng xét nghiệm tại bệnh viện	Tên tiếng Anh: Practice on how to organize and manage laboratories at the hospital
2. Mã học phần:	7XNY033
3. Số tín chỉ: 03	
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Cơ sở khối ngành
5. Loại học phần:	Chọn
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	90 tiết
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	1 buổi
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	30

7. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Quản lý chất lượng phòng xét nghiệm cung cấp cho sinh viên: Các kiến thức cơ bản và tổng thể về quản lý chất lượng phòng xét nghiệm cũng như các tiêu chuẩn quốc tế dành cho phòng xét nghiệm y sinh học. Đây là kiến thức cơ sở cần thiết cho cán bộ xét nghiệm y học để trang bị kiến thức và kỹ năng quản lý chất lượng xét nghiệm- Đây là kiến thức cơ sở cần thiết cho cán bộ xét nghiệm y học để trang bị kiến thức và kỹ năng quản lý chất lượng xét nghiệm

8 Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	Giới thiệu chung về hệ thống tổ chức và quản lý chất lượng phòng xét nghiệm
CLO2	K3 (Áp dụng)	Một số tiêu chuẩn quốc tế về tổ chức và quản lý chất lượng phòng xét nghiệm
CLO3	S3 (kỹ năng vận dụng)	Yêu cầu về tổ chức và quản lý chất lượng phòng xét nghiệm
CLO4	S3 (vận dụng thành thạo)	Yêu cầu kỹ thuật và quy trình phục vụ phòng xét nghiệm
CLO5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Tổng hợp Cơ sở vật chất và an toàn phòng xét nghiệm
CLO6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	Nghiên cứu về Tài liệu và hồ sơ

47. HỌC PHẦN: XÉT NGHIỆM VI SINH VÀ KÝ SINH TRÙNG

TRONG VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM (VSATTP)

1. Tên học phần (tiếng Việt): Xét nghiệm vi sinh và ký sinh trùng trong vệ sinh an toàn thực phẩm	Tên tiếng Anh: Microbiological and parasitic testing in food hygiene and safety
2. Mã học phần:	7XNY034
3. Số tín chỉ: 02	
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Khối kiến thức bổ trợ ngành
5. Loại học phần:	Tự chọn
6. Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết	30
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	0
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60

7. Mô tả tóm tắt học phần:

- Cung cấp những kiến thức cơ bản về đặc điểm sinh học, hình thể, cấu tạo, đặc điểm sinh lý, sinh thái và chu kỳ phát triển của một số loài vi sinh vật, ký sinh trùng gây bệnh cho người hay gặp ở Việt nam.
- Nắm đặc điểm dịch tễ, bệnh học và tác hại do một số vi sinh vật và ký sinh trùng gây nên.
- Nắm mối quan hệ của vi sinh vật, ký sinh trùng với môi trường và cơ thể con người để biết khả năng gây bệnh nhằm nâng cao bảo vệ sức khỏe cộng đồng.
- Vận dụng những kiến thức đã học tập ở học phần và các học phần liên quan của ngành xét nghiệm y học để nắm được nguyên tắc cơ bản về các phương pháp chẩn đoán và phòng bệnh do vi sinh vật gây nên.
- Nắm được kiến thức, kỹ năng học phần đã học để giúp sinh viên hình thành và rèn luyện tác phong nghiêm túc, thận trọng, chính xác, khoa học trong thực hành, hình thành kỹ năng sử dụng công nghệ y học và tin học hiệu quả, thích hợp.

8. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	Hiểu các kiến thức đại cương về vi khuẩn y học, ký sinh trùng y học, kiểm nghiệm vi sinh và an toàn thực phẩm, quản lý an toàn một số nhóm thực phẩm, các phương pháp xét nghiệm vi sinh thực phẩm; trình bày được phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu thực phẩm; kỹ thuật xét nghiệm nhanh một số chỉ tiêu an toàn thực phẩm; các kỹ thuật xét nghiệm NITRIT, NITRAT trong nước uống đóng chai; kỹ thuật xét nghiệm METHANOL và nồng độ cồn trong sản phẩm rượu trắng; kỹ thuật xét nghiệm; tổng số vi khuẩn hiếu khí trong thực phẩm
CLO2	K3 (Áp dụng)	Áp dụng các nguyên tắc cơ bản trong lấy mẫu, bảo quản mẫu trong một số trường hợp mẫu cụ thể:

		- Biết phân loại, tiêu chuẩn chất lượng an toàn thực phẩm đối với sản phẩm nước uống đóng chai, đồ uống có cồn, thực phẩm bao gói sẵn có - Thực hiện nguyên tắc, quy trình thực hiện kiểm nghiệm thực phẩm - Thực hiện quy trình lấy mẫu, kiểm nghiệm bảo quản mẫu thực phẩm cần làm - Thực hiện nguyên tắc, quy trình thực hiện lấy mẫu, bảo quản mẫu thực phẩm - Thực hiện quy trình lấy mẫu, bảo quản mẫu đối với mẫu thịt, mẫu rau và mẫu sữa
CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	- Thực hiện/ nắm nguyên lý của kỹ thuật xét nghiệm nhanh chỉ tiêu sạch tinh bột và một số chỉ tiêu theo bộ 11 chỉ tiêu xét nghiệm nhanh an toàn thực phẩm. - Thực hiện các bước của quy trình của kỹ thuật xét nghiệm nhanh chỉ tiêu sạch tinh bột và một số chỉ tiêu theo bộ 11 chỉ tiêu xét nghiệm nhanh an toàn thực phẩm
COL4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	- Áp dụng thành thạo quy trình thực hiện kiểm nghiệm thực phẩm, quy trình lấy mẫu, kiểm nghiệm bảo quản mẫu thực phẩm cần làm - Thực hiện các bước của quy trình của kỹ thuật xét nghiệm nhanh chỉ tiêu sạch tinh bột và một số chỉ tiêu theo bộ 11 chỉ tiêu xét nghiệm nhanh an toàn thực phẩm.
CLO5	A1(Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Tích cực nghe giảng trên lớp, thảo luận, tham gia đầy đủ các hoạt động ngoại khóa.
CLO6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	Suy nghĩ độc lập, chủ động có ý kiến hồi đáp, xem xét, dẫn chứng, lý giải, minh họa... trong thảo luận

48. Y SINH HỌC PHÂN TỬ

(Molecular biology)

1. Tên học phần (tiếng Việt): Y sinh học phân tử	Tên tiếng Anh: Molecular Biology
2. Mã học phần:	7XNY038
3. Số tín chỉ: 02	
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Khối ngành
5. Loại học phần:	Bắt buộc

6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30 tiết
- Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	0 tiết
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	70

7. Mô tả tóm tắt học phần

- Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về các quá trình sinh học ở mức độ phân tử đặc trưng cho sự sống diễn ra trong tế bào, các quá trình điều khiển, kiểm soát chúng trong phân chia tế bào.
- Những kiến thức đó làm cơ sở cho việc tiếp thu các phương pháp và kỹ thuật hiện đại để nghiên cứu và ứng dụng trong y sinh học.

8. Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	Trình bày được bộ gen của tế bào nhân thật, cơ chế nhân đôi của nhiễm sắc thể, của acid nucleic theo cơ chế bán bảo toàn.
CLO2	K3 (Áp dụng)	Trình bày được mục đích, nguyên tắc của các kỹ thuật tách chiết acid nucleic (ARN, AND)
CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	Mục đích, nguyên tắc của kỹ thuật PCR, nguyên lý điện di phát hiện sản phẩm khuếch đại
CLO4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Giải thích được ý nghĩa các giai đoạn trong một chu kỳ PCR
CLO5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Hiểu rõ tầm quan trọng của việc thu thập mẫu để đưa ra những kết quả chính xác phục vụ nghiên cứu khoa học và phục vụ bệnh nhân.
CLO6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	Tôn trọng đồng nghiệp, cầu thị, hợp tác làm việc theo nhóm và phối hợp với đồng nghiệp Lắng nghe và xây dựng mối quan hệ tốt đẹp, giao tiếp với nhân viên y tế, người bệnh, với cộng đồng.

49. KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG XÉT NGHIỆM

(Check the quality of the testing)

1. Tên học phần (tiếng Việt): Kiểm tra chất lượng xét nghiệm	Tên tiếng Anh: Check the quality of the testing
2. Mã học phần:	7XNY036
3. Số tín chỉ: 02	

4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Khối ngành
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết	15 tiết
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	30 tiết
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60

7. Mô tả tóm tắt học phần

- Kiểm tra chất lượng xét nghiệm là môn học mô tả các chính sách, kế hoạch về đào tạo con người, trang thiết bị máy móc, lựa chọn phương pháp và thuốc thử để đảm bảo kết quả xét nghiệm đạt được độ tin cậy mà thầy thuốc lâm sàng có thể sử dụng được trong việc chẩn đoán và điều trị bệnh.
- Kiểm tra chất lượng xét nghiệm nhằm tạo được điều kiện tối ưu, hạn chế đến mức thấp nhất các sai sót có thể xảy ra trong quá trình xét nghiệm để đảm bảo kết quả xét nghiệm cho bệnh nhân.

8. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	Liệt kê được những nội dung công việc phải làm trong bảo đảm chất lượng và kiểm tra chất lượng.
CLO2	K3 (Áp dụng)	Vận dụng được kiến thức chung về đảm bảo chất lượng để nâng cao chất lượng xét nghiệm.
CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	Viết được một số qui trình kỹ thuật và qui trình quản lý đơn giản được thực hiện tại phòng xét nghiệm
CLO4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Thực hiện được nội kiểm tra chất lượng hàng ngày một số xét nghiệm trên máy bán tự động, tự động.
CLO5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Tận tâm với công việc xét nghiệm, trung thực để đưa ra những kết quả chính xác phục vụ nghiên cứu khoa học và phục vụ bệnh nhân.
CLO6	A2 (Thái độ hòa đáp, phản ứng)	Tôn trọng đồng nghiệp, cầu thị, hợp tác làm việc theo nhóm và phối hợp với đồng nghiệp Lắng nghe và xây dựng mối quan hệ tốt đẹp, giao tiếp với nhân viên y tế, người bệnh, với cộng đồng.

53. HỌC PHẦN: XÉT NGHIỆM TẾ BÀO 3

1. Tên học phần (tiếng Việt): Xét nghiệm tế bào 3	Tên tiếng Anh: Cells testing 3
---	---------------------------------------

2. Mã học phần:	7XNY041
3. Số tín chỉ:	02
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Kiến thức bổ trợ ngành(tự chọn)
5. Loại học phần:	Chọn
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	0
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Cung cấp cho sinh viên các kỹ thuật xét nghiệm chuyên sâu thuộc chuyên ngành Huyết học-Truyền máu-Đông máu nhằm khảo sát và khẳng định kết quả những trường hợp khó, bất thường trong lâm sàng. Đồng thời giới thiệu một số kiến thức, kỹ thuật mới, giúp sinh viên thực hiện tốt thao tác kỹ thuật đáp ứng kịp thời với truyền máu hiện đại.

8. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CĐR học phần
CLO1	OK2 (Hiểu kiến thức)	Trình bày được các kỹ thuật xét nghiệm: tủy đồ, nhuộm hóa học tế bào, định nhóm máu khó, các kỹ thuật đông máu chuyên sâu, tìm tế bào Hargrave và kháng thể kháng nhân, sàng lọc và định danh kháng thể bất thường. Các bước truyền máu lâm sàng.
CLO2	K3 (Áp dụng)	Thực hiện được các kỹ thuật xét nghiệm: tủy đồ, nhuộm hóa học tế bào, định nhóm máu khó, các kỹ thuật đông máu chuyên sâu, tìm tế bào Hargrave và kháng thể kháng nhân, sàng lọc và định danh kháng thể bất thường. Các bước truyền máu lâm sàng
CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	Biết vận dụng vào thực tế lâm sàng và trên người bệnh đem lại hiệu quả
CLO4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Biết nhận định và đánh giá kết quả xét nghiệm tế bào và vận dụng vào trong chẩn đoán bệnh lý.
CLO5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Tích cực nghe giảng trên lớp, thảo luận, tham gia đầy đủ các hoạt động ngoại khóa. Chủ động tiếp nhận thông tin và tư vấn cho người bệnh
CLO6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	Xây dựng tính độc lập, chủ động có ý kiến hồi đáp, xem xét, dẫn chứng, lý giải, minh họa... trong thảo luận, học tập, nghiên cứu.

8. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

8.1. Căn cứ pháp lý để xây dựng chương trình đào tạo

- Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học

- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Kế hoạch số 494/KH-ĐHĐĐ 04 /12/2024 về việc rà soát, cập nhật, điều chỉnh và phát triển chương trình đào tạo của Trường Trường đại học Đông Đô;

8.2. Hướng dẫn sinh viên định hướng hoàn thành chương trình

Sinh viên vào trường sau khi ổn định tổ chức lớp học được hướng dẫn những nội dung cơ bản sau:

- Triết lý giáo dục của Trường Trường đại học Đông Đô.
- Tầm nhìn và sứ mạng của Khoa Dược – Xét nghiệm.
- Mục tiêu của chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học
- Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.
- Vị trí việc làm và định hướng học phát triển lên trình độ cao hơn của chương trình đào tạo.
- Trách nhiệm của khoa và ngành trong việc hỗ trợ sinh viên thực hiện quá trình học tập.
- Trách nhiệm của sinh viên trong quá trình học tập.

8.3. Trách nhiệm của Trường, Khoa và Ngành

8.3.1. Trách nhiệm của Trường

Phổ biến triết lý giáo dục của của Trường Trường đại học Đông Đô.

Mối quan hệ hữu cơ và tính độc lập giữa khoa với trường trong trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực.

8.3.2. Trách nhiệm của Khoa

Giới thiệu rõ cho sinh viên về:

- Tầm nhìn và sứ mạng của Khoa Dược – Xét nghiệm.
- Mục tiêu của chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học.
- Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.
- Chương trình đào tạo, định hướng đào tạo và những khác biệt trong đào tạo ngành ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học của Trường đại học Đông Đô so với các trường khác.
- Những thuận lợi và thách thức đối với sinh viên theo học ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học tại Trường đại học Đông Đô.

- Vị trí việc làm và định hướng học phát triển lên trình độ cao hơn của chương trình đào tạo.
- Trách nhiệm của khoa và ngành trong việc hỗ trợ sinh viên thực hiện quá trình học tập.
- Trách nhiệm của sinh viên trong quá trình học tập.

8.3.3. Trách nhiệm của ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học

Phải thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình;
 Cung cấp đề cương chi tiết cho giảng viên giảng dạy từng học phần;
 Cố vấn học tập phải hiểu nội dung, hình thức thực hiện chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần;
 Chuẩn bị đầy đủ học liệu bắt buộc và học liệu tham khảo, cơ sở vật chất;
 Cần chú ý tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mô đun kiến thức của học phần tiên quyết, học phần bắt buộc và học phần tự chọn.

8.4. Trách nhiệm của giảng viên ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học

Phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp;

Phải cung cấp học liệu cho sinh viên trước khi lên lớp để sinh viên chuẩn bị bài trước khi nghe giảng;

Tổ chức cho sinh viên các buổi thảo luận, chú trọng hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận, đồ án. Giảng viên xác định phương pháp truyền thụ, thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp, tại phòng thực hành, phòng thí nghiệm và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch.

8.5. Trách nhiệm của sinh viên ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học

Tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần phù hợp với tiến độ đào tạo.

Nghiên cứu chương trình học tập trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng

Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp nghe hướng dẫn của giảng viên.

Tự giác trong việc tự học và nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi thảo luận.

Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện để phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu và làm đồ án tốt nghiệp.

Thực hiện nghiêm túc quy chế thi, kiểm tra, đánh giá.

Hà Nội, ngày 11 tháng 02 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Đã ký

TS. Đào Hải